



Báo cáo

## Cấp tài chính cho Dạy nghề Việt Nam

Chuyên công tác tìm hiểu thực tế

GDVT

gtz



## Xuất bản:

Hợp tác Phát triển Việt-Đức

Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề, Việt Nam

Tổng cục Dạy nghề (TCDN)

37 B Phố Nguyễn Bình Khiêm

Hà Nội, Việt Nam

Tel. +84 4 397 45 207 (Phòng Tổng hợp - Đối ngoại)

Fax +84 4 397 40 339

Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề, Việt Nam

Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức

Tầng 2, Số 1, Ngõ 17, Phố Tạ Quang Bửu

Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 4 397 46 571-2

Fax: +84 4 397 46 570

Website: [www.tvet-vietnam.org](http://www.tvet-vietnam.org)

Tác giả: Jutta Franz

Dịch thuật: Vietvision, Phạm Ngọc Anh

Thiết kế: Mariette Junk, Berlin (trang bìa)

Hình ảnh: Ralf Bäcker, Berlin (trang bìa)

Năm và nơi xuất bản: Hà Nội, 2007

**Hợp tác Kỹ thuật Việt Nam - CHLB Đức  
Hỗ trợ Dạy nghề**

**Cấp tài chính cho Dạy nghề  
Việt Nam**

**Báo cáo Chuyên Khảo sát Tìm hiểu Thực tế**

**Jutta Franz**

Tháng 12/2007



**Mục lục**

<b>Các từ viết tắt</b>	<b>Trang</b>
<b>Tóm tắt báo cáo</b>	<b>iv</b>
<b>1 Giới thiệu</b>	<b>1</b>
<b>2 Tổng quan về thực trạng cấp tài chính cho Dạy nghề ở Việt Nam</b>	<b>2</b>
2.1 Các cơ sở Dạy nghề công lập	2
2.2 Các cơ sở Dạy nghề tư nhân	7
2.3 Các cơ sở Dạy nghề tại thuộc doanh nghiệp	7
2.4 Thiếu kiến thức về chi phí và chi tiêu trong Dạy nghề	8
2.5 Các chính sách phù hợp của Chính phủ đối với đổi mới cơ chế cấp tài chính cho Dạy nghề	9
<b>3 Một số vấn đề và các giải pháp lựa chọn</b>	<b>11</b>
3.1 Hỗ trợ tăng chất lượng	11
3.2 Cấp tài chính công cho Dạy nghề	12
3.3 Các vấn đề về tính hiệu quả	13
3.4 Các hoạt động tăng thu nhập	14
3.5 Đầu tư tư nhân vào Dạy nghề	15
3.6 Khả năng tiếp cận và bình đẳng	18
<b>4 Khuyến nghị</b>	<b>19</b>
4.1 Khuyến nghị tiếp tục xây dựng phát triển hệ thống tài chính cho Dạy nghề	19
4.1.1 Khuyến nghị cấp chính sách/hệ thống	19
4.1.2 Khuyến nghị cấp cơ sở	22
4.1.3 Các hoạt động bổ trợ song song	23
4.2 Khuyến nghị các hoạt động tiếp theo cho CT Hợp tác Việt Nam-CHLB Đức	24
4.3 Bảng tóm tắt các khuyến nghị quan trọng	25
<b>Phụ lục</b>	<b>28</b>
A1. Tài liệu tham khảo	28
A2. Danh sách đối tượng phỏng vấn	30
A3. Chương trình làm việc	32
A4. Biểu đồ: Cơ chế cấp ngân sách nhà nước cho Dạy nghề (từ Bộ LĐ-TBXH)	35

**Các từ viết tắt**

ACCC	Canadian Association of Community Colleges: Hiệp hội các Trường cao đẳng cộng đồng
ADB	Asian Development Bank: Ngân hàng Phát triển Châu Á
AFD	Agence Francaise de Développement: Cơ quan Hợp tác Phát triển Pháp
BDS	Business Development Services: Các dịch vụ phát triển doanh nghiệp
CFAA	Country Financial Accountability Assessment: Đánh giá trách nhiệm tài chính của một quốc gia
CIM	Centre for International Migration (German personnel cooperation): Tổ chức Hỗ trợ Di cư Quốc tế (Đức, hợp tác nhân sự)
CNC	Computerized Numerical Control: Điều khiển số có sự trợ giúp của máy vi tính (công nghệ CNC)
DOET	Department of Education and Training (provincial level): Sở Giáo dục-Đào tạo
DOF	Department of Finance (provincial level): Sở Tài chính
DOLISA	Department of Labour, Invalids and Social Affairs (provincial level): Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội
EFA	Education for All: Giáo Dục Cho Mọi Người
GDVT	General Directorate of Vocational Training: Tổng cục Dạy nghề
GOV	Government of Vietnam: Chính phủ Việt Nam
GTZ	German Technical Cooperation: Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức
IGA	Income Generating Activity: Hoạt động tăng thu nhập
JICA	Japanese International Cooperation Agency: Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
MOET	Ministry of Education and Training; Bộ Giáo dục-Đào tạo
MOF	Ministry of Finance: Bộ Tài chính
MOLISA	Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs: Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội
MPI	Ministry of Planning and Investment: Bộ Kế hoạch-Đầu tư
MTEF	Mid-term Expenditure Framework: Hệ thống chi tiêu trung hạn
NDF	Nordic Development Fund: Quỹ Phát triển Thụy Điển
NGO	Non Governmental Organisation: Tổ chức phi chính phủ
NORAD	Norwegian Agency for International Development: Cơ quan Hợp tác Quốc tế Na – Uy
NTP-E	National Target Programme Education: Chương trình mục tiêu quốc gia về Giáo dục
TBS	Targeted Budget Support: Trợ cấp ngân sách mục tiêu
TVET	Technical and Vocational Education and Training: Giáo dục Kỹ thuật và Đào tạo nghề (trong báo cáo này gọi tắt là “Dạy nghề”)
USD	United States Dollars: Đô la Mỹ
VND	Vietnamese Dong: Đồng Việt Nam
VTC	Vocational Training Centre: Trung tâm Dạy nghề

## Tóm tắt báo cáo

### Giới thiệu

Chính phủ Việt Nam đã rất nỗ lực nhằm đổi mới hệ thống Dạy nghề của đất nước. Mục đích của những nỗ lực này là các hỗ trợ kỹ thuật về Dạy nghề để Dạy nghề đáp ứng nhu cầu, đạt được các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và Dạy nghề có thể tiếp cận rộng rãi. Chiến lược phát triển Dạy nghề dự kiến đầu tư đáng kể vào các cơ sở Dạy nghề mới và nâng cấp các cơ sở hiện tại, bao gồm một loạt các bước cải cách nhằm nâng cao chất lượng và tầm quan trọng của Dạy nghề. Trong đó, yêu cầu tăng cường nguồn lực, khả năng phát triển bền vững lâu dài là thách thức chủ yếu. Theo các kinh nghiệm tốt nhất trên thế giới, vấn đề trọng tâm là đa dạng hóa các nguồn quỹ dành cho Dạy nghề. “Xã hội hóa” Dạy nghề nhằm huy động tất cả các nguồn lực hiện có trong xã hội cho Dạy nghề, đặc biệt là khuyến khích tư nhân đầu tư vào các cơ sở Dạy nghề. Hiện nay, các hộ gia đình đóng góp phần lớn cho chi phí đào tạo qua việc trả học phí. Hơn thế, Chính phủ còn dự kiến nâng cao hiệu quả mục tiêu đầu tư công, khuyến khích chủ sử dụng lao động tham gia vào Dạy nghề và tăng thu nhập cho các cơ sở Dạy nghề bằng các hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, chiến lược gây quỹ cho Dạy nghề đòi hỏi phải tiếp tục phân tích hơn nữa và cần làm sắc bén các công cụ thực thi. Hiện tại, không phải tất cả đều phát triển đúng hướng. Các hệ thống tài chính hiện nay của các cơ sở Dạy nghề thậm chí dường như có tác động ngược đến chất lượng đào tạo.

Trước bối cảnh này, Dự án *Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề* do Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) hỗ trợ đã thống nhất với Tổng cục Dạy nghề về việc xem xét hỗ trợ tiếp tục xây dựng các cơ chế tài chính cho Dạy nghề. Theo đó, GTZ đã tiến hành thực hiện tìm hiểu thực tế nhằm đánh giá thực trạng cấp tài chính cho Dạy nghề và đề xuất các hoạt động tiếp theo cần thực hiện để hướng đến một hệ thống cấp tài chính bền vững cho Dạy nghề. Bản báo cáo này tổng hợp các kết quả của chuyến tìm hiểu thực tế (khảo sát) diễn ra từ ngày 13 -27 / 7 / 2007.

### Tổng quan về thực trạng cấp kinh phí cho Dạy nghề tại Việt Nam

Vì cơ cấu trách nhiệm khá đa dạng trong hệ thống Dạy nghề của Việt Nam nên rất khó tìm kiếm thông tin chi tiết và các số liệu tương đối chính xác về chi phí và các khoản chi trong hệ thống Dạy nghề. Vì vậy, báo cáo chỉ giới thiệu một vài mô hình cấp tài chính cơ bản.

Dưới đây là những phát hiện liên quan đến các cơ sở Dạy nghề công lập:

- Chỉ có Dạy nghề dài hạn ở các trình độ cao đẳng nghề và trung cấp nghề mới nhận được kinh phí đáng kể của nhà nước cho chi thường xuyên. Đối với các cơ sở thuộc Tổng cục Dạy nghề, nguồn kinh phí này được cấp thông qua hệ thống chỉ tiêu căn cứ theo số lượng học viên. Kinh phí ngân sách cho mỗi chỉ tiêu đào tạo là 4,3 triệu Đồng một năm. Tuy nhiên, hiện nay ngân sách cấp cho mỗi chỉ tiêu thường thấp hơn mức này.
- Kể từ khi Dạy nghề trình độ sơ cấp không nằm trong hệ thống cấp ngân sách theo chỉ tiêu đào tạo, các trung tâm dạy nghề chỉ nhận được nguồn kinh phí cơ bản ít ỏi từ tổ chức tài trợ của các trung tâm này.
- Các chương trình đặc biệt nhằm hỗ trợ chi phí đào tạo cho các đối tượng được xác định là khó khăn và đặc biệt của thị trường lao động và chương trình vốn vay cho sinh viên cũng bổ sung vào các nguồn lực nhà nước.
- Một nguồn quỹ đầu tư quan trọng là hợp phần *Tăng cường Năng lực Đào tạo nghề* của Chương trình mục tiêu (CTMT) quốc gia về Giáo dục-Đào tạo. Tất cả các cơ sở Dạy nghề thuộc Tổng cục Dạy nghề đều được hưởng lợi từ chương trình này. Tuy nhiên, cần phân tích tính hiệu quả của chương trình này.

- Học phí là nguồn thu quan trọng nhất của các cơ sở Dạy nghề. Học sinh là con em hộ nghèo và các nhóm đối tượng thiệt thòi được miễn học phí. Hiện tại có qui định giới hạn mức trần học phí.
- Các nguồn thu nhập khác bao gồm cả các hoạt động tăng thu nhập nhưng nói chung dường như hạn chế. Một số cơ sở Dạy nghề đã nhận được nguồn tài trợ từ các chương trình của các nhà tài trợ quốc tế.
- Các cơ sở Dạy nghề công lập được hưởng mức độ tự chủ về tài chính tương đối cao so với tiêu chuẩn trên thế giới.

Trong những năm gần đây, thị trường đào tạo tư nhân đã phát triển. Các cơ sở đào tạo tư nhân thường tự chủ hoàn toàn về tài chính. Nguồn thu chính của các cơ sở đào tạo này là học phí. Các cơ sở đào tạo tư nhân không nhận được bất kỳ nguồn kinh phí thường xuyên nào từ nhà nước. Với chủ trương *Xã hội hóa*, Chính phủ Việt Nam khuyến khích thành lập các cơ sở đào tạo ngoài công lập. Chính phủ đã quy định các chính sách khuyến khích thoả đáng, gồm cấp đất và cơ sở hạ tầng, miễn thuế và chương trình cho vay tín dụng. Luật liên quan thậm chí quy định khả năng cấp kinh phí cho đào tạo tư nhân thông qua trợ cấp của nhà nước, và đưa các cơ sở tư nhân vào trong các chương trình hỗ trợ của nhà nước để hoàn trả việc miễn giảm học phí cho người học thuộc nhóm đối tượng chính sách xã hội.

Về sự tham gia của chủ sử dụng lao động vào Dạy nghề, ngoại trừ các doanh nghiệp nhà nước, vẫn còn ít doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư vào Dạy nghề. Các doanh nghiệp lớn và thường là các doanh nghiệp nước ngoài cũng như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất áp dụng công nghệ tiên tiến dường như ngày càng đầu tư nhiều vào đào tạo thông qua các cơ sở đào tạo của mình hoặc thông qua việc mua lại các chương trình đào tạo nâng cao nhân viên từ thị trường đào tạo. Đối với các lĩnh vực tiên tiến và các lĩnh vực đòi hỏi kỹ năng chuyên sâu, các doanh nghiệp sẵn sàng trả chi phí đào tạo cao hơn mức phí thông thường trên thị trường dạy nghề. Và cũng xuất hiện ngày càng tăng xu thế các thành phần kinh tế và các tổ chức nghề nghiệp chủ động đứng ra tổ chức đào tạo. Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã khuyến khích đào tạo theo nhu cầu chủ sử dụng lao động, nhưng hiện vẫn còn thiếu các chương trình khuyến khích hấp dẫn.

Nói chung, cơ sở kiến thức về chi phí và các khoản chi trong Dạy nghề ở Việt Nam rất thiếu và không đảm bảo làm cơ sở cho lập kế hoạch hiệu quả cho tương lai. Hiện không có các số liệu tin cậy hoặc tương đối chính xác về cấp kinh phí cho Dạy nghề công lập và về chi phí trên đầu người học (đơn giá).

Các văn bản chính sách quan trọng quy định định hướng chính trị cho hệ thống cấp kinh phí Dạy nghề cần được xây dựng trong tương lai. Bao gồm đề án xã hội hóa (hay đa dạng hóa nguồn quỹ), tập trung ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực trọng tâm, tăng tính linh hoạt của học phí đồng thời hỗ trợ các học sinh có hoàn cảnh khó khăn và khuyến khích tư nhân đầu tư vào Dạy nghề.

## **Một vài vấn đề và các phương án lựa chọn**

Về tổng thể, chiến lược xã hội hóa theo nghĩa đa dạng hóa nguồn kinh phí dường như rất phù hợp với các kinh nghiệm tốt nhất trên thế giới. Tuy nhiên, một số vấn đề về chiến lược và về triển khai cần được tiếp tục xem xét.

### *Khuyến khích hỗ trợ vì chất lượng*

Các cơ sở Dạy nghề hoạt động trong một môi trường mà một mặt quyền tự chủ ngày càng tăng và mặt khác chịu áp lực của xã hội là phải tăng cơ hội tiếp cận học nghề. Trong bối cảnh này, hệ thống cấp kinh phí hiện tại mang lại thu nhập cho các cơ sở Dạy nghề qua việc tăng số lượng tuyển sinh mà bỏ qua chất lượng đào tạo. Trong những năm gần đây, nhiều cơ sở Dạy nghề đã tăng chỉ tiêu tuyển sinh. Thực ra, nếu trợ cấp của nhà nước cho chi phí



thường xuyên của các cơ sở Dạy nghề không tăng, thì việc tăng nguồn thu từ học phí bằng cách tăng thêm số lượng học sinh là cách tốt nhất để các cơ sở này tăng thêm thu nhập.

Việc tăng số lượng người học chỉ mang lại lợi nhuận cho các cơ sở Dạy nghề, nếu chi phí đào tạo cận biên trên mỗi học viên thấp hơn thu nhập từ học phí. Kết quả là tăng chỉ tiêu tuyển sinh đã dẫn đến chi phí trên mỗi một học viên bị giảm xuống, ví dụ do quy mô lớp học lớn hoặc chi phí cho vật liệu đào tạo trên mỗi học viên thấp hơn, những điều này đều ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng đào tạo.

Xu hướng hiện tại dường như do 3 vấn đề mang tính hệ thống gây nên: Hệ thống khung học phí của các cơ sở công lập thiếu linh hoạt, một hệ thống cấp kinh phí không dựa trên chỉ số năng lực, và thiếu quản lý hiệu quả chất lượng đào tạo. Trong trường hợp này, các giải pháp như kế hoạch thay đổi khung học phí hiện tại, áp dụng các tiêu chí về chất lượng và các chương trình hỗ trợ thử nghiệm là những câu trả lời thỏa đáng về chính sách.

Tuy nhiên, trong số các yếu tố quan trọng nhất mang tính quyết định đối với các vấn đề chất lượng hiện nay còn thiếu sự hiện diện của việc kiểm soát hiệu quả chất lượng đào tạo nghề. Bất kỳ sự thay đổi nào trong hệ thống tài chính nhằm khuyến khích đào tạo chất lượng sẽ chỉ đạt hiệu quả: nếu có những quy định về chất lượng đào tạo; nếu có đánh giá và giám sát chất lượng đào tạo; nếu có các biện pháp hữu hiệu để xử phạt các vi phạm quy định và, không kém phần quan trọng, nếu có cơ chế hỗ trợ để giúp các cơ sở nâng cao chất lượng.

#### *Cấp kinh phí nhà nước cho Dạy nghề*

Cho tới nay, công cuộc đổi mới Dạy nghề vẫn chưa được tính toán hết các chi phí cần thiết. Dù vậy, vẫn dễ dàng thấy một điều là công cuộc đổi mới, nếu được triển khai như dự định, sẽ thực sự đòi hỏi nhiều nguồn lực dành cho Dạy nghề hơn hiện nay, các lý do chính là:

- Các mục tiêu hỗ trợ do chính phủ Việt Nam đưa ra cho thấy chi phí tăng không chỉ bởi số lượng tuyển sinh sẽ tăng, mà còn do những thay đổi dự kiến trong hệ thống cấp kinh phí theo “chiều dọc”.
- Việc hoàn thiện các chức năng điều tiết, giám sát và hỗ trợ của hệ thống Dạy nghề không phải không đòi hỏi chi phí. Đặc biệt việc ban hành và duy trì hệ thống các tiêu chuẩn nghề và hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ phù hợp trong thực tế đòi hỏi phải có nguồn kinh phí thường xuyên lớn ở cả giai đoạn ban đầu cũng như về sau này.
- Việc đầu tư ồ ạt như hiện nay vào các trang thiết bị hiện đại ở cấp các cơ sở đào tạo sẽ đòi hỏi các chi phí thường xuyên đáng kể trong tương lai để đảm bảo tính bền vững của đầu tư.

Chính vì vậy, để đạt được các mục tiêu lớn trong phát triển Dạy nghề đòi hỏi phải tăng thêm nguồn lực nhiều hơn hiện có cho Dạy nghề. Giả sử mức độ tăng trưởng trong chi tiêu nhà nước không đáp ứng được mức tăng nguồn lực theo yêu cầu, thì Chính phủ cần ưu tiên dành nguồn lực cho Dạy nghề. Chính phủ cần theo đuổi một quá trình xây dựng hệ thống cấp kinh phí tổng thể, lồng ghép và có tính toán chi phí cho cả các tiểu lĩnh vực. Hệ thống này sẽ bao gồm các dự toán chi phí, một kế hoạch chi tiết về chi tiêu của chính phủ như đã giới thiệu và một dự thảo các cơ chế nhằm tăng cường các nguồn lực bổ sung từ các nguồn khác, bao gồm cả các chiến lược (có kèm tính toán giá thành) để triển khai các cơ chế này và dự toán thu nhập từ các nguồn này.

#### *Các vấn đề về tính hiệu quả*

Thông tin thu thập được ở thời điểm hiện tại không cho phép đánh giá tính hiệu quả và các vấn đề về tính hiệu quả trong hệ thống Dạy nghề. Tuy nhiên, một chiến lược tài chính cho Dạy nghề không nên chỉ gắn chặt với việc tăng nguồn thu cho hệ thống mà cả tăng tính hiệu quả đầu tư. Quan trọng, cần xem xét các vấn đề sau:

- Quá trình phân cấp trách nhiệm quản lý cho các trường dưỡng như tạo điều kiện cơ bản và tốt để quản lý hệ thống Dạy nghề một cách hiệu quả. Tuy nhiên, có lẽ cần phải nâng cao năng lực quản lý ở cấp cơ sở đào tạo và ở các cấp quản lý quan trọng khác.
- Các phương thức đào tạo khác (ngoài phương thức đào tạo chỉ trong khuôn khổ nhà trường vốn tồn tại lâu nay) có thể tác động đáng kể đến hiệu quả đầu tư của đào tạo nghề, đặc biệt là phương thức đào tạo hợp tác.
- Tính hiệu quả sẽ là một vấn đề cần xem xét trong cấp ngân sách nhà nước. Nên sử dụng nguồn công quỹ vốn hạn hẹp vào việc khuyến khích đào tạo các nghề quan trọng, có chất lượng cao và đạt hiệu quả đầu tư. Nên tập trung các quỹ này vào những lĩnh vực mà nếu không có sự trợ cấp của nhà nước thì không thể thực hiện được đào tạo cho những lĩnh vực đó.

## *Các hoạt động tăng thu nhập*

Chính sách Dạy nghề hiện nay mong đợi các hoạt động tăng thu nhập sẽ đóng góp nhiều hơn vào chi phí đào tạo của các cơ sở Dạy nghề. Các hoạt động tăng thu nhập là phổ biến trong lĩnh vực đào tạo, nhưng thu nhập ròng từ các hoạt động này dường như chưa được sử dụng hiệu quả, mặc dù thực tế gần đây, qua cải cách hành chính, các cơ sở Dạy nghề có được sự chủ động và quyền tự quyết lớn đối với việc thực hiện và quản lý các hoạt động tăng thu nhập. Ở đây, các vấn đề cơ bản bao gồm:

- Trong hệ thống cấp tài chính hiện tại thì các nguồn thu nhập khác, đặc biệt là thu nhập từ học phí, để tăng hơn.
- Các kỹ năng quản lý kinh doanh cần thiết, đặc biệt là kỹ năng đánh giá thị trường, marketing, quản lý chi phí và quản lý tài chính không đáp ứng được.

Kinh nghiệm tại các quốc gia khác chỉ ra rằng có thể khuyến khích các hoạt động tăng thu nhập trong các cơ sở Dạy nghề thông qua việc kết hợp các hỗ trợ tài chính với nâng cao năng lực cán bộ quản lý các cơ sở Dạy nghề. Nhiều quốc gia quan ngại rằng các hoạt động tăng thu nhập tạo ra cạnh tranh không bình đẳng cho các doanh nghiệp tư nhân và bóp méo các thị trường nội địa. Vấn đề này cũng cần được phân tích ở Việt Nam.

## *Đầu tư tư nhân vào Dạy nghề*

Giải pháp cho chính sách xã hội hóa Dạy nghề của Việt Nam là khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân đầu tư vào Dạy nghề. Về vấn đề này, Việt Nam đi theo các mô hình của nhiều quốc gia khác đã từng đạt được thành công trong cải cách Dạy nghề.

Chính phủ Việt Nam đã tạo lập được cơ sở pháp lý tốt để các cơ sở thương mại tư nhân phát triển. Tuy nhiên, mặc dù môi trường pháp lý tương đối hấp dẫn, nhưng tốc độ tăng trưởng vừa qua của các cơ sở Dạy nghề có vẻ như không như mong đợi. Hiện không có thông tin nào mang tính hệ thống về những rào cản nhưng các vấn đề cơ bản sau đây cần được xem xét:

- Thiếu sự triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ hiện hành
- Thiếu sự cạnh tranh giữa các cơ sở Dạy nghề tư nhân và các cơ sở đào tạo của nhà nước
- Các cơ sở tư thực ít được các nhóm mục tiêu (nhóm đối tượng quan tâm đến Đào tạo nghề) coi trọng so với các cơ sở công lập.

Nói chung, việc phân tích kỹ lưỡng môi trường đầu tư, các cơ hội và rào cản tiềm ẩn khi tư nhân đầu tư thương mại vào Dạy nghề tại Việt Nam sẽ có tác dụng hiểu biết sâu hơn những yếu tố mang tính quyết định và những rào cản của thị trường đào tạo tư nhân và có thể giúp hoàn thiện các chính sách hỗ trợ. Việc phân tích này cũng nên xem xét đến các khả năng đưa cơ sở tư nhân vào hệ thống trợ cấp của nhà nước, và phân tích các chính sách đầu tư

thường xuyên của nhà nước, đồng thời lưu ý đến tác động của việc tiết kiệm chi phí (do có đầu tư tăng của nhà nước) đối với thị trường đào tạo tư nhân.

Tại Việt Nam, sự tham gia của chủ sử dụng lao động vào Dạy nghề dường như còn khá thấp, tập trung ở doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nước ngoài. Điều này có vẻ đối lập với nhận định chung là các doanh nghiệp tại Việt Nam phải đối mặt với thực tế thiếu lao động có kỹ năng.

Chủ sử dụng lao động là một trong những đối tượng hưởng lợi chính của Dạy nghề chất lượng và phù hợp. Tại các quốc gia khác, chủ sử dụng lao động được mong đợi đóng góp một cách có hệ thống vào chi phí đào tạo. Việc đóng góp có thể được thực hiện bằng hai cách: thông qua đầu tư thực tế (đào tạo thực tế) hoặc bằng đóng góp tài chính (chẳng hạn thông qua trả thuế cho đào tạo).

Tại Việt Nam, hiện tại, hầu hết đầu tư vào cơ sở vật chất đã có. Tuy nhiên, việc triển khai hệ thống hỗ trợ còn chưa như mong đợi. Cần phân tích thêm các nguyên nhân của thực tế này. Chính phủ Việt Nam cũng có thể xem xét việc xây dựng một cơ chế thuế cho Dạy nghề làm công cụ đi kèm để khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất. Một mặt, chương trình này có thể tăng nguồn thu cần thiết cho các chương trình Dạy nghề của quốc gia. Mặt khác, bằng cách miễn thuế cho các công ty có chủ động trong đào tạo hoặc bằng việc giảm các chi phí đào tạo thực tế, đồng thời có thể sử dụng một cơ chế về thuế để khuyến khích các công ty tham gia đào tạo.

### *Tiếp cận và bình đẳng*

Việc cải thiện khả năng tiếp cận và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận Dạy nghề là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của đổi mới hệ thống Dạy nghề. Các chương trình xã hội đặc biệt nhằm mục đích đảm bảo cho các nhóm đối tượng thiệt thòi trước đây (như: người dân tộc thiểu số, con em thương bệnh binh và các đối tượng khác) và người nghèo nói chung tiếp cận được với Dạy nghề. Những cải cách chính sách dự kiến, ví dụ liên quan chủ yếu đến dự định tăng chi phí học tập, dường như tác động đến các nhóm đối tượng thu nhập thấp. Ngay ở thời điểm hiện nay, tổng chi phí dành cho đào tạo của các hộ gia đình cho một người học, bao gồm chi phí sinh hoạt ước tính khoảng 700,000 Đồng một tháng. Hơn nữa, con em các gia đình nghèo hoặc các nhóm đối tượng thiệt thòi có xu hướng chiếm đa số trong các chương trình Dạy nghề ngắn hạn và ở trình độ sơ cấp nghề. Đây là một vấn đề cần xem xét, đặc biệt khi Chính phủ có xu hướng tập trung đầu tư vào các trình độ đào tạo trình độ cao hơn.

Các cuộc thảo luận trong chuyến công tác đã cho thấy một chút nghi ngờ về tính hiệu quả của các chương trình hỗ trợ xã hội hiện hành trên góc độ tiếp cận được các đối tượng có nhu cầu. Phân tích sâu hơn vấn đề này có lẽ là cần thiết. Đồng thời, cũng cần đánh giá khả năng tiếp cận học nghề thông qua các chương trình vốn vay.

### **Khuyến nghị**

Tóm lại, đề xuất nên tiếp tục thực hiện, củng cố và hoàn thiện các nỗ lực đổi mới đã thực hiện để tiếp tục tăng cường đa dạng hóa nguồn lực cho Dạy nghề. Các đề xuất chính được tổng kết trong bảng tóm tắt sau đây:

Lĩnh vực chiến lược	Đề xuất các hoạt động cho Chính phủ Việt Nam	Những đóng góp tiềm năng từ Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề (GTZ)
Lập kế hoạch lồng ghép về cấp kinh phí cho Dạy nghề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận với các chuyên gia và các bên có liên quan về định hướng chiến lược trong cấp kinh phí cho Dạy nghề</li> <li>- Tiến hành đánh giá chi phí</li> <li>- Cải thiện cơ chế báo cáo tài chính trong hệ thống Dạy nghề</li> <li>- Xây dựng/hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý</li> <li>- Tham vấn với các tiểu ngành có liên quan trong hệ thống giáo dục và đào tạo về các chiến lược cấp tài chính</li> <li>- Xây dựng cơ chế khung cấp tài chính cho Dạy nghề theo ưu tiên và dựa trên tính toán chi phí</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài trợ và hỗ trợ thực hiện hội thảo quốc gia về các nguyên tắc cấp kinh phí cho Dạy nghề; hỗ trợ chuyên gia</li> <li>- Tài trợ và hỗ trợ đánh giá chi phí</li> <li>- Hỗ trợ tư vấn trong quá trình xây dựng cơ chế tài chính lồng ghép</li> </ul>
Xây dựng hệ thống lập ngân sách theo năng lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng một đề án cấu trúc cấp kinh phí cho các cơ sở Dạy nghề công lập bao gồm các chỉ số dựa trên chất lượng và các chỉ số nhằm khuyến khích hoạt động tăng thu nhập</li> <li>- Thí điểm và triển khai cấp kinh phí theo cơ chế trên</li> <li>- Đánh giá chương trình <i>Tăng cường Năng lực Đào tạo nghề</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ việc đánh giá hợp phần “E” về <i>Tăng cường Năng lực Đào tạo nghề</i> thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia</li> <li>- Hỗ trợ tư vấn để xây dựng một đề án về lập ngân sách theo năng lực</li> </ul>
Phát triển thị trường đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá kinh nghiệm của chương trình thí điểm đấu thầu đào tạo</li> <li>- Mở rộng cơ chế đấu thầu đối với các lĩnh vực khác thuộc phân bổ ngân sách, bao gồm hỗ trợ đầu tư, nếu thấy phù hợp</li> <li>- Đưa các cơ sở tư thục vào các chương trình đấu thầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ việc đánh giá và quá trình xây dựng đề án</li> </ul>
Học phí đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng tính linh hoạt cho các cơ sở Dạy nghề công lập, về việc quyết định mức học phí</li> </ul>	
Tăng cường đầu tư tư nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu thực trạng, những hạn chế và tiềm năng của đầu tư tư nhân vào Dạy nghề</li> <li>- Xây dựng đề án lồng ghép nhằm tăng cường đầu tư tư nhân và của chủ sử dụng lao động vào Dạy nghề</li> <li>- Xem xét việc xây dựng và</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ việc phân tích (về các rào cản và những thay đổi khi thành phần tư nhân tham gia vào Dạy nghề)</li> <li>- Nghiên cứu tính khả thi của quỹ thuế đào tạo, gồm hỗ trợ xây dựng đề án, nếu phù hợp</li> <li>- Hỗ trợ phát triển hệ thống</li> </ul>

Lĩnh vực chiến lược	Đề xuất các hoạt động cho Chính phủ Việt Nam	Những đóng góp tiềm năng từ Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề (GTZ)
	ban hành quỹ thuế đào tạo - Xây dựng hệ thống để áp dụng hợp tác trong đào tạo nghề	hợp tác trong Dạy nghề
Thúc đẩy bình đẳng	- Phân tích thực trạng về sự tham gia của các nhóm đối tượng thiệt thòi vào Dạy nghề - Đánh giá tính hiệu quả của các chương trình xã hội hiện hành - Thiết lập cơ chế giám sát thường xuyên tác động xã hội - Phân tích, và nếu phù hợp, xây dựng đề án ban hành chương trình tín dụng cho người học nghề	- Hỗ trợ công tác phân tích (phân tích thực trạng và đánh giá hiệu quả các chương trình chính sách xã hội hiện hành về Dạy nghề)
Nâng cao năng lực cơ sở Dạy nghề	- Phân tích nhu cầu phát triển tổ chức; - Xây dựng và triển khai đề án nâng cao năng lực tổng thể cho các cơ sở Dạy nghề - Xây dựng và triển khai chiến lược tăng cường các hoạt động tăng thu nhập và cung cấp các khóa đào tạo theo nhu cầu công nghiệp. - Có thể: Xây dựng đề án và triển khai mô hình trường đào tạo thông qua sản xuất (production schools) - Xây dựng và triển khai các chiến lược khuyến khích và hỗ trợ hợp tác giữa các cơ sở Dạy nghề và doanh nghiệp	- Tiến hành phân tích nghiên cứu tại một số trường về vấn đề hiệu quả đầu tư, nhu cầu phát triển tổ chức và các vấn đề khác - Các hoạt động nâng cao năng lực tại các trường thí điểm - Xây dựng kế hoạch kinh doanh tại các trường đối tác và cố vấn về các hoạt động tăng thu nhập - Hỗ trợ việc triển khai các chương trình đào tạo nghề hợp tác tại các trường thí điểm



## Giới thiệu

Chính phủ Việt Nam đã và đang tăng cường các nỗ lực cải thiện hệ thống Dạy nghề và mục tiêu là thúc đẩy một hệ thống Dạy nghề định hướng nhu cầu, ngang bằng với tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và có thể tiếp cận rộng rãi. Các vấn đề tồn tại gồm mất cân bằng của thị trường lao động tác động tiêu cực đến khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam. Trong khi đó, mỗi năm, khoảng hơn 1 triệu người tham gia vào thị trường lao động cần phải được thu xếp việc làm, nền kinh tế hiện đại cũng thường đối mặt với những thiếu hụt lao động có kỹ năng, làm cho nhiều vị trí công việc bị bỏ trống mà không thể tuyển dụng. Chỉ có khoảng 20% lực lượng lao động có trình độ kỹ thuật hoặc bằng cấp nghề. Các chính sách gần đây cho thấy kế hoạch tăng tỷ lệ này lên 26% vào năm 2010 và ít nhất đạt 40% vào năm 2020<sup>1</sup>.

Chiến lược Phát triển Dạy nghề đã chỉ ra cần có đầu tư đáng kể cho việc cải thiện và xây mới cấu trúc hệ thống Dạy nghề, và cũng đưa ra một loạt các bước tiến hành nhằm cải thiện chất lượng và sự phù hợp của công tác Dạy nghề. Với sự hỗ trợ của các cơ quan hợp tác quốc tế, Chính phủ đã bắt đầu công cuộc đổi mới căn bản hệ thống bao gồm các nỗ lực như xây dựng tiêu chuẩn nghề, hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ dựa trên chuẩn, đổi mới kiểm định chất lượng, đưa vào áp dụng các phương thức đào tạo mới có hợp tác với doanh nghiệp, cải thiện hệ thống đào tạo giáo viên và đổi mới quản lý...

Nhận thức được yêu cầu cần thiết về tài chính cho công cuộc đổi mới này, các vấn đề liên quan đến cấp tài chính cho Dạy nghề đã được coi làm trọng tâm trong các văn bản chiến lược được xây dựng và ban hành những năm gần đây. Với quan điểm tăng nguồn lực cho Dạy nghề, vấn đề đảm bảo tài chính dài hạn trở thành một thách thức cơ bản. Cũng phù hợp với kinh nghiệm thành công trên thế giới, trọng tâm được đặt vào việc đa dạng hóa nguồn tài trợ cho Dạy nghề. Một “chiến dịch xã hội hóa” Dạy nghề dự định huy động các nguồn lực sẵn có trong xã hội, đặc biệt nhằm huy động đầu tư tư nhân cho Dạy nghề. Hiện nay, các hộ gia đình đã phải đóng góp rất nhiều cho chi phí đào tạo qua việc đóng học phí. Hơn thế, chính phủ cũng mong muốn cải thiện đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, đó là khuyến khích sự tham gia của chủ sử dụng lao động vào Dạy nghề, đồng thời, tăng nguồn thu cho các cơ sở đào tạo thông qua các hoạt động sản xuất.

Tuy nhiên, chiến lược tài chính dường như đòi hỏi cần tiếp tục phân tích và điều chỉnh các công cụ liên quan. Hiện tại, không phải tất cả các công cụ đều mang lại hiệu quả đúng hướng. Cơ chế tài chính hiện tại với các cơ sở Dạy nghề dường như còn có tác dụng ngược đến chất lượng đào tạo. Trước tình hình này, dự án *Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề* thuộc Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) đã thống nhất với Tổng cục Dạy nghề xem xét hỗ trợ xây dựng các cơ chế tài chính cho Dạy nghề. Theo đó, một cuộc khảo sát thực tế được tiến hành nhằm đánh giá tình hình hiện tại về cấp tài chính cho Dạy nghề và khuyến nghị các hoạt động tiếp theo cần thực hiện hướng tới một hệ thống tài chính bền vững cho Dạy nghề. Báo cáo này tổng hợp kết quả chuyến tìm hiểu thực tế diễn ra trong thời gian 13-17/7/2007.

Trong chuyến khảo sát, các cuộc làm việc, trao đổi được thực hiện với các chuyên gia, cán bộ làm việc trong lĩnh vực Dạy nghề, các hiệu trưởng và cán bộ quản lý các cơ sở Dạy nghề công lập và tư nhân, đại diện thế giới việc làm, các chuyên gia dự án *Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề* và các cơ quan tài trợ và các chuyên gia độc lập<sup>2</sup>. Cuối đợt công tác, một cuộc họp tổng kết được tổ chức với sự tham gia của các cán bộ, chuyên gia TCDN và GTZ, đây là một dịp quan trọng làm sáng tỏ các hiểu biết, nhận định về các vấn đề và thách thức. Tôi trân trọng bày tỏ lòng cảm ơn đến tất cả các đối tác cộng tác trong thời gian 2 tuần làm việc đó. Đặc biệt, cảm ơn các nhân viên dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề về những hỗ trợ tuyệt vời, và ông Đủ về những hỗ trợ dịch thuật rất tốt.

<sup>1</sup> So sánh Bộ LĐ-TBXH năm 2006. Danh sách các tài liệu tham khảo trong Phụ lục (A1).

<sup>2</sup> Danh sách các cuộc làm việc và các đối tượng phỏng vấn trong Phụ lục (A2 và A3).

Báo cáo sau đây trước tiên đưa ra bức tranh tổng quan về cấu trúc và các nguyên tắc hệ thống cấp tài chính cho Dạy nghề Việt Nam vào thời điểm hiện tại, với phần giới thiệu ngắn gọn về các định hướng chính sách liên quan (Phần 2). Tuy nhiên, vẫn có nhiều thông tin chưa đầy đủ. Tiếp theo là phần phân tích, trao đổi về những vấn đề quan trọng cần xem xét trong quá trình tiếp tục xây dựng cơ chế tài chính cho Dạy nghề trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam (Phần 3). Cuối cùng, Phần 4 đưa ra một số khuyến nghị về những hoạt động, nội dung cần xem xét tiến hành khi xây dựng hệ thống cấp tài chính, đi kèm một số gợi ý về những hỗ trợ phía dự án của GTZ có thể cung cấp.

## 1 Tổng quan Tình hình hiện tại về Cấp tài chính cho Dạy nghề Việt Nam

Vì lý do cấu trúc trách nhiệm về cung cấp đào tạo nghề ở Việt Nam khá phong phú (xem bảng dưới đây), các thông tin và số liệu chi tiết, chuẩn xác về chi phí và chi tiêu trong hệ thống (chính thống) rất khó thu thập. Vì vậy, phần tiếp theo đây của báo cáo chỉ trình bày những mô hình / cơ chế cấp tài chính chính của một số phương thức Dạy nghề quan trọng, có chỗ được bổ sung với một số thông tin minh họa về chi phí và chi tiêu.

### Bức tranh Dạy nghề

*Quản lý nhà nước*<sup>3</sup> về Dạy nghề về cơ bản thuộc Tổng cục Dạy nghề (TCDN) thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐ-TBXH) và Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp thuộc Bộ Giáo dục-Đào tạo (Bộ GD-ĐT). Trong năm 2007, TCDN quản lý 871 cơ sở Dạy nghề cung cấp đào tạo nghề cho 1,34 triệu người (năm 2006) bao gồm 40 trường Cao đẳng nghề, 232 trường Trung cấp nghề và 599 Trung tâm Dạy nghề (Bộ LĐ-TBXH, 2007). Bộ GD-ĐT, đồng thời quản lý khoảng 272 trường trung cấp chuyên nghiệp và 228 trường cao đẳng và đại học có tham gia đào tạo nghề theo các cấp trình độ<sup>4</sup>, cho khoảng 550.000 sinh viên. Với cơ chế phân cấp, tại cấp tỉnh, một số chức năng quản lý về Dạy nghề thuộc Sở LĐ-TBXH và Sở GD-ĐT.

Trách nhiệm *quản lý trực tiếp* các cơ sở Dạy nghề cũng khá rộng. Một số trường kỹ thuật thuộc Bộ / Sở GD-ĐT là các cơ sở tư nhân, trong khi các trường TCDN lại do nhiều bộ, ngành khác nhau thuộc trung ương, tỉnh, huyện, các tổ chức đoàn thể, công đoàn, các công ty điều hành, cả một số cơ sở tư nhân, và một số cơ sở thuộc Bộ LĐ-TBXH.

Bức tranh Dạy nghề Việt Nam còn gồm hơn 800 cơ sở khác có tham gia vào Dạy nghề (ví dụ, các văn phòng trao đổi giới thiệu lao động) cũng cung cấp các khóa đào tạo ngắn hạn. Các chương trình thực tập, đào tạo thực hành chính quy được quy định nhưng hiếm khi thực hiện. Một phương thức đào tạo quan trọng khác là đào tạo phi chính quy, chủ yếu dưới hình thức đào tạo tại chỗ và hiện tại, không được công nhận là chính quy<sup>5</sup>.

Các nguồn tài chính chủ yếu cho Dạy nghề Việt Nam cũng như toàn hệ thống đào tạo chủ yếu dựa vào nhà trường, gồm ngân sách nhà nước và đóng góp của các hộ gia đình, được bổ sung bởi một số quỹ tài trợ và đầu tư của một số công ty vào đào tạo. Tuy nhiên, có sự khác biệt rất lớn giữa các phương thức tài trợ của các cơ quan cung cấp dịch vụ khác nhau.

### 1.1 Các cơ sở Dạy nghề công lập

<sup>3</sup> *Quản lý nhà nước* có nghĩa năng lực ra quy định pháp lý và quản lý giám sát. Cơ bản gồm trách nhiệm về xây dựng chính sách và quy định pháp lý, lập kế hoạch ngành và giám sát chất lượng (như xây dựng chuẩn, biên soạn chương trình, kiểm định). Tham khảo thêm Luật Dạy nghề, Chương X.

<sup>4</sup> Thông tin do Bộ GD-ĐT cung cấp, Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp.

<sup>5</sup> Xem Báo cáo năm 2007 của Công ty tư vấn PLANCO.



Tài chính cho Dạy nghề Việt Nam - Báo cáo - 12/2007

Khoảng 70% các cơ sở Dạy nghề có đăng ký dưới sự quản lý nhà nước của TCDN và khoảng 25% các trường trung cấp nghề thuộc Bộ GD-ĐT, là cơ sở công lập, hoặc do các tổ chức xã hội quản lý<sup>6</sup>. Các cơ sở này cũng được cấp ngân sách nhà nước ngoài các nguồn thu khác. Mức độ và cơ chế cấp ngân sách nhà nước phụ thuộc vào trình độ đào tạo và loại hình cơ sở đào tạo. Theo chính sách về ưu tiên, ngân sách nhà nước trước hết và chủ yếu được phân cho các chương trình dài hạn thuộc cấp trung học và đại học<sup>7</sup>.

Cấu trúc cơ bản về cấp tài chính cho cơ sở Dạy nghề công lập (thuộc TCDN) cũng được khắc họa cụ thể trong biểu đồ trong Phụ lục A4.

### *Hỗ trợ nhà nước đối với các chương trình dài hạn*

Đối với các chương trình Dạy nghề dài hạn (ở trình độ trung cấp và cao đẳng nghề), ngân sách nhà nước cho chi phí thường xuyên được cấp trên cơ sở chỉ tiêu học viên của từng trường. Về vấn đề này, TCDN hàng năm lập kế hoạch tài chính xác định số người học dài hạn cho từng đơn vị trường và những lĩnh vực nghề được cấp ngân sách nhà nước. Kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở yêu cầu gửi lên từ các trường bên cạnh việc họ gửi kế hoạch đào tạo lên Sở LĐ-TBXH. Sở LĐ-TBXH tổng hợp yêu cầu của các trường và huyện thành kế hoạch ngân sách tỉnh. TCDN sau đó chuyển kế hoạch ngân sách cả nước sang Bộ Tài chính (Bộ Tài chính) để làm cơ sở phân bổ ngân sách hàng năm đến các cơ quan nhà nước có quản lý / sở hữu các cơ sở Dạy nghề (các bộ, cơ quan, ngành, tỉnh, đoàn thể, v.v...)

Gần đây, kế hoạch đào tạo của TCDN được lập trên cơ sở các chương trình mục tiêu quốc gia và các yếu tố cung. Nay, các tiêu chí về chất lượng và các yếu tố thể hiện sự cạnh tranh bắt đầu được đưa vào trong việc cấp ngân sách theo chỉ tiêu. Theo thông tin từ Vụ Tài chính/TCDN, các cơ sở Dạy nghề phải chứng minh được họ đạt được các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất theo yêu cầu trước khi được cấp ngân sách cho chỉ tiêu.<sup>8</sup> Đồng thời, một hệ thống đào tạo theo hợp đồng cho chỉ tiêu cũng đã được đưa vào thí điểm với 5 nhóm nghề. Trong năm 2007, tổng số có 2.700 cơ sở đào tạo được cấp kinh phí thông qua hình thức nhà nước ký hợp đồng đào tạo theo chỉ tiêu.

Các khoản phân bổ ngân sách tính theo đầu người học theo mức chi được tính toán từ năm 1998. Định mức chi 4,3 triệu Đồng cho một học viên là mức trung bình cho cả 12 nhóm nghề, trong đó dao động từ 3,5 triệu đến 5,4 triệu đồng. Tuy nhiên, vì ngân sách hạn hẹp, khoản ngân sách phân bổ thực tế của Bộ Tài chính cho từng cơ sở thường thấp hơn mức 4,3 triệu đồng. Theo TCDN, trên thực tế, mỗi cơ sở được phân bổ định mức không quá 2.5 triệu Đồng. Các con số trong kế hoạch cho Dạy nghề của Bộ LĐ-TBXH (Quyết định số 07/2006/QH-BLĐ-TBXH)<sup>9</sup>, cho thấy tổng ngân sách nhà nước được cấp cho Dạy nghề dài hạn là khoảng 761.250 triệu Đồng (khoảng 48 triệu USD) vào năm 2007.

Tuy nhiên, quyết định về phân bổ ngân sách thực tế cho các cơ sở Dạy nghề là do cơ quan chủ quản, sở hữu và cấp tài chính cho cơ sở đó (cơ quan quản lý trực tiếp). Trên thực tế, điều này rất có thể dẫn đến việc phân bổ ngân sách trong thực tế khác xa so với mức phân bổ chuẩn của Bộ Tài chính. Trong trường hợp cơ sở đào tạo thuộc cấp huyện hoặc tỉnh, việc phân bổ được thực hiện theo các thủ tục lập ngân sách tại cấp cơ sở, gồm các cơ quan như

<sup>6</sup> Thông tin do TCDN và Bộ GD-ĐT cung cấp. Các cơ sở Dạy nghề thuộc doanh nghiệp cũng nằm trong nhóm này.

<sup>7</sup> Theo bản dịch tiếng Anh Luật Dạy nghề 2006 (Điều 6), thuật ngữ “trình độ sơ cấp nghề, trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề” được dùng mô tả hệ thống đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ.

<sup>8</sup> Chính sách này được ban hành theo Quyết định của Bộ LĐ-TBXH Số 468, 4/2007, và được áp dụng trong thời kỳ chuyển đổi cho đến khi áp dụng hoàn toàn cơ chế đấu thầu đào tạo.

<sup>9</sup> Theo kế hoạch này, dự kiến sẽ có khoảng 304.500 cơ sở đào tạo tại các trường trung cấp và cao đẳng trong năm 2007.

Sở Tài chính, Sở LĐ-TBXH và Ủy ban Nhân dân tỉnh<sup>10</sup>. Trong quá trình lập ngân sách, nhiều bước chỉnh sửa và phân bổ lại ngân sách cũng xảy ra, mà TCDN không thể biết hết được một cách chính thống. Theo các thông tin hiện có, số ngân sách phân bổ theo đầu người học mà các cơ sở Dạy nghề nhận được là rất khác nhau phụ thuộc vào cơ quan chủ quản khác nhau có những chính sách khác nhau về các ưu tiên chi tiêu. Các bằng chứng/thông tin thu thập được trong đợt khảo sát này gợi ra rằng, về tổng thể, các cơ sở Dạy nghề thuộc các bộ, ngành trung ương nhận được nhiều ngân sách nhà nước cho mỗi người học hơn là các cơ sở ở cấp tỉnh hoặc huyện, hoặc các cơ sở thuộc các đoàn thể.

Dù trong trường hợp nào, các khoản phân bổ thực tế cũng chẳng liên quan (phụ thuộc) vào số học viên thực của cơ sở đó. Với các cơ sở đào tạo, họ chấp nhận thực tế và coi ngân sách nhà nước là một khoản, một món hỗ trợ mà thôi.

Các cơ sở thuộc Bộ GD-ĐT không nằm trong hệ thống chỉ tiêu và lập kế hoạch của TCDN. Họ nhận ngân sách nhà nước từ hệ thống ngân sách của Bộ GD-ĐT, được tính toán theo chỉ tiêu tuyển sinh, mức ngân sách trong quá khứ và cấp bậc chương trình đào tạo<sup>11</sup>.

### *Ngân sách nhà nước cho Dạy nghề trình độ sơ cấp nghề*

Các khóa đào tạo ngắn hạn trình độ sơ cấp nghề cũng không thuộc hệ thống cấp ngân sách theo chỉ tiêu cho chi phí thường xuyên. Đây là vấn đề đặc thù đối với các trung tâm Dạy nghề chỉ đào tạo trình độ sơ cấp nghề, và cũng được tính vào lực lượng tham gia đào tạo nghề cung cấp đào tạo nghề cho 80% người học (thuộc TCDN quản lý)<sup>12</sup>. Các Trung tâm Dạy nghề thường chỉ nhận được ngân sách cơ bản từ cơ quan chủ quản trên cơ sở số cán bộ biên chế, và để dành cho lương và các chi phí liên quan. Mặc dù không có thông tin chính thống về thực trạng cấp tài chính cho các Trung tâm Dạy nghề, dường như nhiều trung tâm này chỉ nhận được rất ít đóng góp từ nhà nước cho chi phí đào tạo thường xuyên, vì họ chỉ có một số nhỏ biên chế.

### *Các chương trình mục tiêu đặc biệt*

Có một số chương trình/dự án hoặc quỹ đặc biệt bổ sung vào ngân sách nhà nước để cấp cho các cơ sở Dạy nghề công lập. Những chương trình này thường để hỗ trợ các đối tượng khó khăn hoặc để triển khai một số chương trình đào tạo và được phân bổ về các trường thụ hưởng những chương trình/dự án đó. Ví dụ, các chương trình dành cho bộ đội xuất ngũ, dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, thất nghiệp, hoặc để xuất khẩu lao động<sup>13</sup>. Hiện có Quỹ Tài năng trẻ với khoảng 1 tỷ Đô la Mỹ đang được đề xuất và đưa về Đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh triển khai. Chương trình này nhằm mục đích cấp ngân sách cho các chương trình đào tạo nghề và việc làm cho thanh niên, gồm cả việc cho vay tín dụng.

### *Đầu tư*

Trong khi Bộ Tài chính và Sở, Phòng Tài chính chịu trách nhiệm lập kế hoạch và phân bổ ngân sách thường xuyên, Bộ Kế hoạch-Đầu tư (KH-ĐT) và các cơ quan trực thuộc cấp cơ sở lại chịu trách nhiệm cấp vốn đầu tư cơ bản. Tuy nhiên, nói chung các thông tin và thủ tục chính thức về cách phân bổ ngân sách không có sẵn. Ngân sách vốn cơ bản là một phần của ngân sách hoạt động và phát triển của các cơ sở Dạy nghề và được phân bổ theo các ưu tiên của họ. Đối với ngân sách thường xuyên, các quyết định phân bổ cuối cùng không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố nào, nghĩa là không có tham vấn ý kiến chuyên môn của lĩnh vực Dạy nghề.

<sup>10</sup> Đánh giá trách nhiệm giải trình tài chính quốc gia (dự thảo 2006) mô tả và đánh giá cơ chế phân bổ ngân sách trong giáo dục, cho thấy sự tương đồng với trong lĩnh vực Dạy nghề.

<sup>11</sup> Xem Báo cáo Ngân hàng Thế giới năm 2007 về các nguyên tắc cấp ngân sách trong hệ thống Giáo dục.

<sup>12</sup> Theo các số liệu lập kế hoạch, trong tổng số 1.405.000 người học năm 2007, có 1.100.000 được đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề (Báo cáo Bộ LĐ-TBXH năm 2006, đoạn 2.2). Các con số phân loại thì không có.

<sup>13</sup> 1 ví dụ là Quỹ Hội Cựu chiến binh nhằm hỗ trợ bộ đội xuất ngũ cần đào tạo nghề cho xuất khẩu lao động.

Các nguồn ngân sách đầu tư cơ bản cho cơ sở Dạy nghề trong những năm gần đây được đảm bảo qua dự án số 7 “Nâng cao Năng lực Dạy nghề”, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục-Đào tạo<sup>14</sup>. Trong giai đoạn I của dự án này, tổng số 780 tỷ Đồng đã được phân bổ cho các cơ sở Dạy nghề thuộc TCDN trong các năm 2002 và 2005 (Theo báo cáo năm 2005 của NORAD, tr. 8). Ngoài ra, có 1.500 tỷ Đồng dự kiến sẽ được phân bổ trong năm 2005 cho cơ quan thuộc lĩnh vực Dạy nghề, theo CTMT quốc gia 2006-2010 (theo báo cáo của NORAD năm 2005, tr. 14). Theo báo cáo của Bộ LĐ-TBXH năm 2007, riêng trong năm 2006, 500 tỷ Đồng đã được phân bổ (Báo cáo Bộ LĐ-TBXH năm 2007, đoạn 5). Ngân sách Dự án số 7 thuộc CTMT quốc gia cho thấy khoản phân bổ thực tế năm 2007 là 700 tỷ Đồng và xác định khoảng 1.000 tỷ sẽ được phân bổ trong năm 2008. Chương trình này nhằm hỗ trợ cả vốn đầu tư cơ bản và nâng cao năng lực giáo viên Dạy nghề, nhưng cho đến nay, chủ yếu được sử dụng cho mục đích đầu tư như mua máy tính. Có thể nói, tất cả các cơ sở Dạy nghề, gồm cả các Trung tâm Dạy nghề đều được hưởng hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia này. Các thông tin có được cho thấy, thực tế, hầu hết các cơ sở đều nhận được một khoản tương đương khoảng 200-300 triệu Đồng.

Điều này dẫn đến nghi ngờ về tính hiệu quả của Chương trình mục tiêu<sup>15</sup>. Và cần có một đánh giá về Dự án dành cho Dạy nghề thuộc CTMT quốc gia này<sup>16</sup>.

### *Các loại học phí*

Ngoài hỗ trợ của các nguồn ngân sách nhà nước cho ngân sách cơ bản và vốn, các khoản học phí do người học trả và là nguồn thu chính của các cơ sở Dạy nghề công lập. Nghị định số 10 năm 2002 đưa các loại học phí vào hệ thống giáo dục Việt Nam. Mặc dù trong đó không đưa ra con số cụ thể nào, qua các chuyến thăm và làm việc với các cơ sở Dạy nghề, học phí là nguồn thu quan trọng nhất, trang trải ít nhất một nửa, nếu không cao hơn, tổng số ngân sách của nhà trường.

Mặc dù về nguyên tắc, các cơ sở đào tạo có thể tự quyết định mức học phí<sup>17</sup>, các loại học phí cho các chương trình đào tạo dài hạn (tại các trường trung cấp nghề và cao đẳng nghề) thuộc các cơ sở Dạy nghề công lập được thu ở mức 120.000 Đồng một tháng. Tuy nhiên, các cơ sở vẫn có thể thu thêm phục vụ các mục đích khác, như cho sách vở, tài liệu học tập<sup>18</sup>.

Học phí các chương trình ngắn hạn trình độ sơ cấp nghề không được quy định cụ thể và dao động tùy theo thị trường và chi phí đào tạo. Học phí hàng tháng, như được công bố, thường từ 100.000 đến 300.000. Các cơ sở chuyên đào tạo nâng cao, nâng bậc cho các doanh nghiệp, thường có khả năng nâng mức học phí lên đáng kể.

Ngoài các loại học phí, việc đi học còn mang nhiều khó khăn gánh nặng cho gia đình. Tại một cơ sở, các khoản đóng góp để có thể đi học lên tới 400.000 Đồng mỗi học viên một tháng.

Người học thuộc đối tượng sau được miễn hoặc giảm học phí: con thương binh, gia đình liệt sỹ, dân tộc thiểu số và con gia đình nghèo có chứng nhận của chính quyền địa phương.

<sup>14</sup> Báo cáo Cơ quan Hợp tác Phát triển Na-Uy năm 2005 nhấn mạnh Chương trình MTQG-Hợp phần E không hẳn là một Chương trình phát triển, mà dường như là một công cụ ngân sách đặc biệt để quản lý các dự án tài trợ có điều kiện đã được lên kế hoạch.

<sup>15</sup> Được xác nhận trong các cuộc phỏng vấn. Cả trong Báo cáo của Bộ LĐ-TBXH năm 2007, đoạn 2.7 nói đến sự cần thiết cải thiện tính hiệu quả của chương trình mục tiêu.

<sup>16</sup> Một đánh giá dự án E-CTMT quốc gia hiện đang được chuẩn bị, nhưng lại không đưa vào đánh giá Hợp phần 7 (Tăng cường Năng lực Đào tạo nghề).

<sup>17</sup> Xem quy định Số 43/2006/NĐ-CP, Điều 23.

<sup>18</sup> Ngoài các loại phí và học phí, còn có nhiều khoản đóng góp thêm, thường được gọi là đóng góp tự nguyện mà sinh viên phải trả. Ví dụ gồm đóng góp cho các hoạt động xã hội, lệ phí thi, học thêm, mua sắm quần áo bảo hộ, v.v...

Thường, khoảng 15% số người học thuộc diện miễn giảm. Các cơ sở đào tạo, qua các chính sách miễn giảm, được hoàn trả một khoản chung từ ngân sách nhà nước, thường tương đương 30% tổng số thâm hụt từ miễn giảm học phí. Đã có ít nhiều lo ngại đặt ra về tính hiệu quả của cơ chế miễn giảm này.

## *Các nguồn thu khác*

Các nguồn thu khác của các cơ sở Đào nghề công lập gồm thu từ các hoạt động kinh doanh sản xuất và các khoản tài trợ. Nhưng thực tế các khoản thu từ những nguồn này so với học phí là khá nhỏ.

Các hoạt động tăng thu nhập gồm việc bán các sản phẩm và dịch vụ, có thể được sản xuất để thu lợi nhuận hoặc là sản phẩm trong quá trình đào tạo. Mặc dù các thông tin chính thống không có, dường như các hoạt động tăng thu nhập mang lại nguồn thu đáng kể chỉ trong một số ít trường hợp. Các cuộc phỏng vấn với cán bộ quản lý các cơ sở Đào nghề cho thấy những suy nghĩ tư duy còn khá lạc lậu. Trong nhiều trường hợp, không phân biệt được doanh thu với lợi nhuận tịnh, dẫn đến việc không có ý thức tính toán những thu nhập ảo hay nhỏ mọn. Ngược lại, có những cơ sở lại được trả theo sản phẩm trong những hợp đồng thực tập đào tạo tại các công ty lớn.

Một số các chương trình tài trợ hỗ trợ một số cơ sở Đào nghề về nâng cao năng lực và tài trợ nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất máy móc. Trong đó có chương trình Hợp tác Đức, hỗ trợ 9 cơ sở Đào nghề và 2 trường Đại học sư phạm thông qua các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và nhân lực; Dự án Giáo dục Kỹ thuật và Đào nghề đồng tài trợ bởi ADB (Ngân hàng Phát triển châu Á, NDF (Quỹ Phát triển Nordic), Cơ quan Hợp tác Phát triển Nhật Bản (JICA), Cơ quan Hợp tác Phát triển Pháp (AFD), và chính phủ Việt Nam hỗ trợ 15 cơ sở đào tạo; tổ chức SwissContact, hỗ trợ 37 Trung tâm Đào nghề trong 14 năm qua. Cơ quan NUFFIC của Hà Lan cũng tài trợ một chương trình phát triển Đào nghề trong lĩnh vực trồng rừng thuộc bộ Nông nghiệp và Tài nguyên thiên nhiên. Hiệp hội các trường Đại học Cộng đồng Canada (ACCC) hiện đang hỗ trợ một trường cao đẳng cộng đồng thuộc Bộ GD-ĐT thực hiện các chương trình đào tạo nghề và dự kiến mở rộng phạm vi hỗ trợ. Hơn nữa, Việt Nam và Hàn quốc hiện đang chuẩn bị cho một dự án nhằm hỗ trợ 5 cơ sở Đào nghề mới bao gồm cả hỗ trợ kỹ thuật cho việc xây dựng chương trình.

Không có thông tin nào về mức độ và phạm vi các khoản tài trợ từ các nguồn địa phương như tổ chức phi chính phủ, các đoàn thể, công ty, v.v...

## *Quản lý tài chính*

Các cơ sở Đào nghề công lập hưởng quyền tự chủ khá cao về tài chính<sup>19</sup>. Để khuyến khích đa dạng hóa các nguồn ngân sách, các cơ sở đào tạo có quyền quyết định và nhận các khoản thu khác nhau và có thể quyết định tại cơ sở, trong khuôn khổ quy định dành cho cơ quan khối công lập, về mục đích sử dụng các nguồn thu đó. Các cơ sở được định mức và thu học phí và các loại phí cho các dịch vụ khác trong khuôn khổ mức trần của các loại phí này. Các cơ sở cũng được khuyến khích tăng thu nhập và quản lý tốt các khoản thu nhập từ các hoạt động sản xuất và bán sản phẩm, dịch vụ. Các cơ sở có trách nhiệm quản lý nhân viên đến mức rất cao, gồm cả quyền trả thù lao trên mức lương cơ bản theo quy định. Các cơ sở cũng được cho phép sử dụng và quản lý các khoản tín dụng từ các tổ chức tín dụng và các nguồn khác.

Các cơ sở Đào nghề phải chịu thuế, nhưng cũng có thể được miễn giảm một số khoản theo Luật Đào nghề 2006 (Điều 53).

<sup>19</sup> Các văn bản pháp luật quan trọng liên quan gồm Nghị định Số 10/2002/NĐ-CP, Thông tư Liên bộ Số 21/2003/TTLT-BTC&BGD-BNV, và Nghị định Số 43/2006/NĐ-CP.

## 1.2 Các cơ sở Dạy nghề tư nhân

Thị trường đào tạo tư nhân đã phát triển từ những năm gần đây. Hiện tại, ước tính khoảng 30% cơ sở Dạy nghề thuộc TCDN và 20% cơ sở Dạy nghề thuộc Bộ GD-ĐT đăng ký là cơ sở tư nhân. Các cơ sở tư nhân thường tự chủ hoàn toàn về tài chính. Họ không nhận được khoản hỗ trợ thường xuyên nào từ ngân sách nhà nước.

Cũng trong khuôn khổ chính sách xã hội hóa, chính phủ Việt Nam nêu rõ khuyến khích thành lập các cơ sở đào tạo ngoài công lập và họ được hưởng các quyền và ưu đãi như đã ghi rõ trong Luật Giáo dục 2005<sup>20</sup>. Trong khuôn khổ thông thường<sup>21</sup> họ hưởng quyền tự do tối đa về giáo dục, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, và được công nhận đầy đủ đối với các bằng cấp chứng chỉ (Điều 65). Theo điều 68 của Luật Giáo dục, các cơ sở tư nhân được nhà nước ưu tiên về đất và cơ sở hạ tầng (cấp hoặc cho thuê). Các hình thức hỗ trợ như miễn thuế và hỗ trợ tín dụng cũng có. Luật còn đặt ra khả năng hỗ trợ tài chính các cơ sở tư nhân thông qua các chương trình trợ cấp của nhà nước, và cho phép các cơ sở tư nhân tham gia thụ hưởng các chương trình hoàn trả vì miễn giảm học phí cho các nhóm đối tượng chính sách xã hội.

Nguồn thu chủ yếu của các cơ sở tư nhân là học phí. Không như các cơ sở Dạy nghề công lập, học phí không bị giới hạn đối với các cơ sở tư nhân. Các bằng chứng thu thập được cho thấy mức học phí ở các cơ sở tư nhân có cao hơn nhưng không đáng kể.

## 1.3 Các cơ sở Dạy nghề thuộc doanh nghiệp

Không có bằng chứng thông tin chính thống nào về đầu tư của doanh nghiệp cho đào tạo, hay bất kể hình thức nào về việc tham gia vào Dạy nghề hay cấp tài chính cho Dạy nghề. Qua các cuộc trao đổi, thảo luận trong chuyến công tác này, dường như trừ trường hợp đối với các doanh nghiệp nhà nước, tâm thế tham gia đầu tư vào đào tạo của các doanh nghiệp là rất lạc hậu, hạn chế. Điều này được thể hiện qua một thực tế phổ biến là các cơ sở Dạy nghề phải chi trả các chi phí liên quan đến đào tạo cho các công ty khi các công ty này nhận sinh viên vào thực tập. Trên thực tế, các nhà cung cấp dịch vụ Dạy nghề dường như phải cạnh tranh với nhau thông qua các khoản chi trả bồi hoàn mà họ có thể trả cho các công ty để có được nơi thực tập cho sinh viên. Các công ty còn quảng cáo các cơ hội đào tạo trực tiếp đến những người mới đi làm, mới tham gia vào thị trường lao động. Thậm chí như khẳng định, một thực tế phổ biến trong ngành may là các em mới rời trường phổ thông, tham gia học nghề ngắn hạn trong các cơ sở của các công ty còn phải trả học phí cho thời gian đào tạo ban đầu, và chấp nhận mức lương cắt giảm trong những tháng làm việc đầu tiên cho đến khi các em được cho là có thể làm việc đủ công suất. Các khoản chi trả cho đào tạo trong các công ty như vậy có xu hướng cao hơn trong các cơ sở Dạy nghề thông thường, điều này cho thấy 2 vấn đề, vừa thiếu cơ sở đào tạo trong lĩnh vực Dạy nghề chính quy, vừa vì người học thích hơn khả năng có việc làm khi được đào tạo trong công ty.

Cũng có những bằng chứng cho thấy các công ty lớn và các công ty nước ngoài, cũng như các công ty liên quan đến sản xuất công nghệ cao thường sẵn sàng đầu tư vào đào tạo, hoặc thông qua các chương trình đào tạo tại công ty<sup>22</sup> hoặc thuê nhân viên nâng cấp các chương trình lấy từ thị trường đào tạo. Trong trường hợp các kỹ năng hoặc công nghệ chuyên ngành, các công ty thường có tinh thần chi trả học phí cao hơn mức trung bình trong thị trường đào tạo. Trong chuyến khảo sát này, mức học phí hàng tháng lên tới 5 triệu Đồng cho việc nâng cao tay nghề vận hành sử dụng máy CNC đã đề cập.

<sup>20</sup> Xem Điều 53.3 và 85 của Luật Dạy nghề 2006.

<sup>21</sup> Như mô tả trong Luật và các quy định của Bộ LĐ-TBXH và Bộ GD-ĐT.

<sup>22</sup> Bộ LĐ-TBXH (năm 2007, Đoạn 3.1) tính toán tổng cộng có 143 cơ sở Dạy nghề gắn với doanh nghiệp ở Việt Nam, tuy nhiên, cũng đề cập rằng, các công ty doanh nghiệp lớn có tổ chức những trung tâm đào tạo riêng.

Hơn thế, dường như xuất hiện xu hướng các ngành và các tổ chức nghề nghiệp đã tiến hành các sáng kiến tổ chức đào tạo. Các sáng kiến mở các trung tâm đào tạo trong ngành dệt và lĩnh vực cơ điện tử là 2 ví dụ như vậy.

Mặc dù Chính phủ khuyến khích rất mạnh hình thức đào tạo tại doanh nghiệp<sup>23</sup>, nhưng lại thiếu các gói hỗ trợ. Các chi phí cho đào tạo được coi như chi phí thông thường (vận hành) khác và được giảm thuế.

## 1.4 Thiếu kiến thức về chi phí và chi tiêu trong Dạy nghề

Kiến thức về chi phí và chi tiêu trong Dạy nghề ở Việt Nam là rất thiếu, và không đảm bảo làm cơ sở cho công tác lập kế hoạch.

Không có thống kê toàn diện tách biệt ngân sách nhà nước hay các nguồn từ tư nhân cho công tác Dạy nghề ở Việt Nam. Thực tế này do các nguyên nhân sau đây:

- Như đã nêu ở trên, việc phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ sở Dạy nghề công lập thực tế là qua các cơ quan chủ quản, ví dụ, các bộ ngành, các cơ quan trung ương, tỉnh và huyện. Vì vậy, việc phân bổ ngân sách cho các cơ sở Dạy nghề là từ ngân sách của cơ quan mẹ. Không có yêu cầu nào đối với các cơ quan chủ quản phải báo cáo cho TCDN về các khoản thực chi cho các cơ sở Dạy nghề. Các thống kê ngân sách bao gồm tất cả các chi phí công từ các bộ ngành và các cấp quản lý khác nhau thì không có<sup>24</sup>.
- Cũng như đã nói ở trên, các khoản phân bổ trong thực tế cho các cơ sở khác nhau rất nhiều giữa các cơ quan chủ quản khác nhau. Một số cơ quan có xu hướng theo chặt định mức 4,3 triệu Đồng/người học/năm, có cơ quan cấp thấp hơn hoặc cao hơn định mức này. Tương tự như vậy đối với vốn cơ bản, trong đó một số cơ quan chủ quản cấp bổ sung từ ngân sách của mình bên cạnh vốn phân bổ của Bộ KH-ĐT<sup>25</sup>. Những dao động này làm cho việc tính toán chi tiêu trên cơ sở các số liệu kế hoạch của TCDN là rất khó.
- Các chi tiêu tư nhân mà hầu như từ học phí, cũng khó ước tính vì không có con số thực tế nào về nhập học. Các con số có được thường là số chỉ tiêu.

Với thực tế như trên, chưa thể có được các số liệu thống kê tin cậy và đảm bảo về chi tiêu ngân sách nhà nước cho Dạy nghề.

Đồng thời, kiến thức thông tin về đơn giá trong Dạy nghề cũng không đủ. Định mức 4,3 triệu Đồng trung bình (chuẩn) trên một người học, cho một năm là dựa trên đánh giá về giá thành đã thực hiện từ năm 1998. Nó được ước tính để chi trả cho tất cả các chi phí thường xuyên và lạm phát. Định mức này thể hiện một cách (công thức) tính toán dựa trên các yêu cầu của chương trình đào tạo và định mức đào tạo chuẩn (ví dụ: tỷ lệ giáo viên/học sinh, v.v...). Tuy nhiên, các chi phí trong thực tế có thể khác rất nhiều, tùy theo số lượng người học trong lớp, cách thức, mức độ và thời lượng đào tạo thực hành và các chi phí liên quan đến đặc thù của khoá đào tạo. Tất cả các chuyên gia được hỏi đều nhấn mạnh rằng định mức này là đã quá lâu, lạc hậu và cần phải điều chỉnh<sup>26</sup>.

Các cơ sở Dạy nghề đến thăm trong chuyến khảo sát này hầu hết không thể hoặc không sẵn sàng cung cấp các số liệu về đơn giá của cơ sở của mình. Các thông tin về phân bổ

<sup>23</sup> Chương V, Luật Dạy nghề 2006.

<sup>24</sup> Xem thêm Báo cáo Đánh giá Trách nhiệm Tài chính Quốc gia 2006.

<sup>25</sup> Ví dụ, Sở LĐ-TBXH Vĩnh Phúc cho biết Sở có thể phân bổ 120 tỷ Đồng cho ngành Dạy nghề của tỉnh ngoài ngân sách nhà nước từ trung ương.

<sup>26</sup> Theo các phân tích so sánh đơn giá về Dạy nghề trên thế giới việc đưa ra những mức tiêu chuẩn về chi phí chung trên thế giới là không phù hợp và vì thế, khó có thể thực hiện. Chi phí trong Dạy nghề phụ thuộc rất lớn vào các cơ cấu, cơ chế tổ chức cụ thể, với từng bối cảnh Dạy nghề cụ thể.

Tài chính cho Dạy nghề Việt Nam - Báo cáo - 12/2007

ngân sách cho từng cơ sở trên cơ sở các số liệu tuyển sinh cho phép có thể giả định rằng thực chi trên một đơn vị là thấp hơn định mức 4,3 triệu Đồng.

Rất tiếc, trong chuyến khảo sát này, chúng tôi không thể thu thập được những thông tin tin cậy, có ý nghĩa về cơ chế chi tiêu và chi phí.

## 1.5 Các chính sách phù hợp của Chính phủ đối với đổi mới cơ chế cấp tài chính cho Dạy nghề

Báo cáo này tập trung vào các cơ chế liên quan đến Dạy nghề. Tuy nhiên, cũng cần phải nhấn mạnh một lần nữa rằng việc đổi mới hệ thống cấp tài chính và hệ thống Dạy nghề nói chung có liên quan chặt chẽ với nhau. Việc ngày càng tiếp tục phát triển các cơ chế cấp tài chính cho Dạy nghề là một phần của công cuộc đổi mới Dạy nghề. Trong công cuộc đổi mới tổng thể, các thiết chế, khung tài chính có thể là những công cụ hỗ trợ cho việc thực hiện những cải tổ mang tính căn bản của hệ thống Dạy nghề. Ví dụ, những hỗ trợ tài chính có thể hỗ trợ thúc đẩy việc tham gia của các chủ sử dụng lao động trong Dạy nghề, chính là một chiến lược mong muốn nhằm cải thiện chất lượng. Đồng thời, nhiều công cụ tài chính khác chỉ có thể thực hiện thành công khi các thành tố khác của công cuộc đổi mới Dạy nghề đã được đưa vào áp dụng triển khai. Ví dụ cấp ngân sách theo chất lượng hoạt động (năng lực), đòi hỏi trước đó phải đưa vào áp dụng chuẩn chất lượng và các công cụ về đánh giá và giám sát chất lượng.

Cơ sở của công cuộc đổi mới hệ thống cấp ngân sách xuất phát từ những mục tiêu đầy tham vọng về đổi mới và phát triển Dạy nghề của Chính phủ Việt Nam, đó là một mặt tăng số lượng tuyển sinh và một mặt cải thiện chất lượng. Để đảm bảo tài chính cho các kế hoạch này, Chính phủ Việt Nam đã xác định định hướng chiến lược cấp tài chính cho Dạy nghề<sup>27</sup>. Một cách tóm tắt, bao gồm:

### *Xã hội hoá*

Xã hội hóa Dạy nghề là chiến lược trọng tâm tăng cường các nguồn lực cho hệ thống Dạy nghề, như quy định trong Nghị định của Bộ trưởng LĐ-TBXH số 1000/2005/QĐ-BLĐTBXH, tháng 6/2005. Theo Quy định số 139/2006/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 11/2006), xã hội hoá Dạy nghề nghĩa là tất cả các lực lượng trong xã hội tham gia và đóng góp vào Dạy nghề, đặc biệt các tổ chức trong nước và nước ngoài, các công ty và cá nhân. Chính phủ sẽ hỗ trợ và khuyến khích những đầu tư như vậy (Điều 3).

Xã hội hoá có thể coi như nguyên tắc cơ bản của việc cấp tài chính cho Dạy nghề, kêu gọi đa dạng hóa đến mức tối đa các nguồn tài trợ và sự tham gia của những đối tượng thụ hưởng. Chính sách xã hội hoá có thể giải thích cho các nỗ lực đổi mới khác của hệ thống cấp tài chính, ví dụ như việc đưa vào áp dụng các mức học phí, và sự hỗ trợ đầu tư tư nhân vào Dạy nghề. Một công cụ khác thuộc xã hội hóa là việc chuyển đổi các cơ sở công lập sang sở hữu tư nhân hoặc sở hữu xã hội. Theo thông tin của TCDN, một số lớn các cơ sở Dạy nghề được lập kế hoạch chuyển sang hình thức công ty cổ phần vào năm 2010.

### *Tập trung ngân sách nhà nước*

<sup>27</sup> Các tài liệu quan trọng gồm: Luật Dạy nghề 2006, có hiệu lực từ 2007, Báo cáo Kết quả Dạy nghề giai đoạn 2001-2006, Mục tiêu và Nội dung Phát triển Dạy nghề đến 2010, tháng 5.2007 (Thông tin dựa trên bản dịch tiếng Đức: Bericht über den Stand der Berufsbildung in der Phase 2001-2006, Ziele und Massnahmen zur Entwicklung der Berufsbildung bis 2010 (do Công ty Dịch thuật Tầm nhìn Việt dịch cho dự án TVET); và Quyết định "Quy hoạch Phát triển Mạng lưới các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề và Trung tâm dạy nghề đến năm 2010, định hướng đến năm 2020", tháng 10.2006 (Thông tin dựa trên bản dịch tiếng Đức: Entscheidungsschreiben über Genehmigung der „Planung zur Entwicklung eines Netzes der Berufsscolleges, Berufsschulen der Mittelstufe und Training Centers bis zum Jahre 2010 und Orientierung bis zum Jahr 2020“. MOLISA Nr.: 07/2006/QH-BLĐTBXH, Hanoi, 2. Oktober 2006. Veröffentlicht in der Law Gazette Nr. 43/44 am 23.10.2006, của Công ty Dịch thuật Tầm nhìn Việt).

Trong khi Chính phủ mong muốn trong tương lai, sẽ tăng đáng kể chi tiêu ngân sách nhà nước cho Dạy nghề, thì cả các văn bản liên quan cũng xác định rõ ưu tiên chi tiêu. Nói chung, dường như chính phủ có kế hoạch tập trung hỗ trợ trong tương lai vào đào tạo ở bậc đại học, sau đại học, vào đào tạo nghề trong các trường trung cấp nghề và cao đẳng nghề. Các hình thức và bậc đào tạo khác cũng được hỗ trợ nếu trước đây chưa được đầu tư đầy đủ và cần quan tâm, như đối tượng vùng núi cao, xa xôi, hải đảo, v.v... Trong một số văn bản, trọng tâm được đặt vào những cơ sở đào tạo tại chất lượng cao ở các vùng kinh tế tăng trưởng và các khu công nghiệp, hoặc các lĩnh vực kinh tế quan trọng nhất (v.d. Báo cáo Bộ LĐ-TBXH, 2006, Điều 3.1). Mặc dù cách tiếp cận tập trung nguồn lực có hạn dường như hợp lý, trong thực tế, trọng tâm đầu tư có vẻ vẫn chưa tập trung và vẫn dàn trải. Vì các chính sách thể hiện tầm quan trọng đối với các cơ sở Dạy nghề, Chính phủ cần làm rõ hơn nữa trong các chính sách của mình về ưu tiên cấp ngân sách để định hướng các nhà cung cấp dịch vụ trong Dạy nghề<sup>28</sup>.

### *Các loại học phí và hỗ trợ người học*

Ngay trong năm 2002, học phí được đưa vào toàn bộ hệ thống giáo dục với một cơ chế chia sẻ. Học phí các chương trình Dạy nghề dài hạn cũng bị giới hạn, ví dụ, mức học phí tối đa do Bộ Tài chính quy định. Dường như việc cải cách hệ thống học phí hiện đang được tiến hành, đưa ra một loạt các loại phí nhằm tăng tính linh hoạt trong việc xác định mức phí. Như vậy, nói chung có thể thấy kết quả là mức học phí sẽ tăng<sup>29</sup>.

Song song với chính sách về phí, một loạt các chương trình và cơ chế chính sách giảm thiểu việc tăng gánh nặng chi phí lên các hộ gia đình cũng được đưa vào, và các chương trình dự án mới cũng đang được lập kế hoạch. Cùng với các chương trình chính sách xã hội miễn giảm học phí cho người học thuộc các đối tượng khó khăn và hộ gia đình nghèo, một chương trình mới hỗ trợ người học nghề đang được xây dựng và một chương trình cho sinh viên có nhu cầu vay vốn cũng được đưa vào triển khai, và cũng dành cho người học nghề. Hiện tại, các người học có kết quả học tập tốt nhất sẽ được hưởng học bổng hàng tháng trả qua các cơ sở đào tạo. Hơn thế, còn có các cơ chế hỗ trợ đặc biệt dành cho các cơ sở đào tạo các nhóm đối tượng nhất định, ví dụ như giảm thuế<sup>30</sup>.

### *Hỗ trợ thúc đẩy đầu tư tư nhân vào Dạy nghề*

Hỗ trợ đầu tư tư nhân là một trong những chiến lược quan trọng thúc đẩy “xã hội hoá”. Việc này bao gồm cả việc hoà nhập các cơ sở Dạy nghề tư nhân, như các nhà đầu tư tư nhân mua lại các cơ sở công lập, và cả việc đưa đầu tư các công ty vào các trung tâm đào tạo, các chương trình đào tạo. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng được mong đợi là những nhà đầu tư tích cực vào Dạy nghề, đưa những chuẩn hiện đại, thiết bị và công nghệ đào tạo vào Việt Nam. Cũng trong bối cảnh này, phương pháp đào tạo hợp tác cũng được ủng hộ (trích: Chính phủ Việt Nam, 11/2006).

Chương tiếp theo sẽ trao đổi một số vấn đề chi tiết hơn.

## **2 Một số vấn đề và các giải pháp lựa chọn**

Chương tiếp theo đây sẽ chọn ra một số vấn đề liên quan đến việc phát triển hơn nữa tài chính cho Dạy nghề, vấn đề chúng tôi cho rằng cần được trao đổi bàn bạc sâu hơn. Cần nhấn mạnh rằng, nói chung, chiến lược xã hội hoá theo nghĩa đa dạng hoá các nguồn lực có

<sup>28</sup> Một cơ sở Dạy nghề công lập cho biết dự kiến trong tương lai, ngân sách nhà nước cấp cho chi phí thường xuyên sẽ chấm dứt hoàn toàn, trong khi một số người được phỏng vấn khác lại cho rằng không có kế hoạch như vậy.

<sup>29</sup> Thông tin thu thập được từ nhiều cuộc phỏng vấn khác nhau.

<sup>30</sup> Xem Báo cáo Chính phủ Việt Nam, 11/2006, đoạn 22.3.



về là lựa chọn đúng đắn, phù hợp với các kinh nghiệm thành công trên thế giới. Tuy nhiên, một số vấn đề triển khai mang tính chiến lược cần được xem xét kỹ càng hơn.

## 2.1 Hỗ trợ tăng chất lượng

Các cơ sở Dạy nghề hoạt động trong môi trường ngày càng tăng tính tự chủ, và sức ép đòi hỏi của công chúng về khả năng tiếp cận của Dạy nghề. Trong bối cảnh này, các cơ chế tài chính hiện tại thực chất tạo điều kiện cho các cơ sở tăng số lượng tuyển sinh trên chi phí cho chất lượng. Không như lĩnh vực đào tạo đại học, các cơ sở Dạy nghề thuộc TCDN không bị hạn chế tuyển sinh. Nhiều cơ sở đã tăng lượng tuyển sinh trong những năm gần đây, tất nhiên, cả những chương trình ngắn và dài hạn. Trên thực tế, vì phân bổ ngân sách nhà nước cho chi phí thường xuyên không tăng việc tăng học phí thông qua việc tăng số lượng đầu vào của người học là cách thuận lợi nhất để tăng nguồn thu cho cơ sở. Đồng thời, tăng số lượng đầu vào cũng tăng uy tín của nhà trường đối với môi trường xung quanh tại địa phương. Tuy nhiên, lượng sinh viên đầu vào tăng chỉ mang lại lợi nhuận cho cơ sở đào tạo khi chi phí biên về đào tạo tính trên đầu người học thấp hơn khoản thu từ học phí, nghĩa là mức 120.000 Đồng/tháng (với chương trình dài hạn tại các cơ sở công lập). Vì vậy, việc tăng lượng người học đầu vào đã dẫn đến việc giảm chi phí trên đầu người học, ví dụ, qua việc tổ chức các lớp học đông hơn, hoặc chi tiêu ít hơn cho nguyên vật liệu đào tạo/đầu người học), tất cả những điều này đều tác động tiêu cực đến chất lượng đào tạo. Còn một hiện tượng phổ biến nữa là các cơ sở Dạy nghề gặp khó khăn về năng lực đào tạo thì thường thuê lại các cơ sở khác có năng lực nhân rồi.

Theo xu hướng hiện tại dường như chủ yếu do 3 nguyên nhân mang tính hệ thống: hệ thống học phí kém linh hoạt, hệ thống cấp tài chính nhà nước không liên kết với các chỉ số đánh giá, thiếu quản lý hiệu quả về Dạy nghề.

Vì học phí và lệ phí không thể tăng cao hơn định mức nên mức học phí không thể hiện hết các chi phí liên quan hay giá trị thực tế trong thị trường của các chương trình Dạy nghề. Trong bối cảnh này, nó thể hiện một bước đi đầu tiên đúng hướng rằng Chính phủ đang có kế hoạch sửa đổi chính sách về học phí trong Dạy nghề nhằm tăng tính linh hoạt các mức học phí trong khung rộng hơn, và cho phép sự dao động lớn hơn giữa các chương trình đào tạo khác nhau tùy thuộc vào chi phí đào tạo và mức độ phù hợp nền kinh tế của lĩnh vực nghề.

Hiện tại, các nguồn hỗ trợ của ngân sách của nhà nước không được gắn với các chỉ số hiệu quả. Ngay khi ngân sách được phân bổ, là kinh phí được chuyển cho các cơ sở không phụ thuộc vào (không cần xem xét đến) số lượng người học thực tế, hoặc chất lượng hay sự phù hợp qua các chỉ số như tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm, hoặc các chỉ số khác.

Hệ thống phân bổ ngân sách hỗ trợ nhà nước cho các cơ sở Dạy nghề không cung cấp hỗ trợ nào cho việc cải thiện sản phẩm đào tạo. Nó không hỗ trợ các cơ sở thực hiện chủ trương của mình là “đào tạo với chi phí càng tiết kiệm càng tốt” hoặc các hoạt động có thể thúc đẩy cùng lúc cả hiệu quả kinh tế và chất lượng (như: đào tạo hợp tác, thiết kế các hoạt động sản xuất hiệu quả, v.v...)

Với bối cảnh các nguồn lực cho Dạy nghề còn hạn chế, Chính phủ Việt Nam có thể vì thế cần khảo sát, phân tích các khả năng lựa chọn khả thi thiết kế lại hệ thống cấp ngân sách cho Dạy nghề để cung cấp các hỗ trợ cho chất lượng. Một việc làm mới của TCDN được đưa vào năm 2007, là áp dụng các tiêu chí chất lượng trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo quốc gia, như một bước đầu tiên động viên khích lệ các cơ sở Dạy nghề tuân theo các yêu cầu về chất lượng. Chương trình thử nghiệm đầu tiên, bắt đầu năm 2007 với 5 nhóm nghề và áp dụng với đối tượng người học tham gia chương trình đào tạo dài hạn là một nỗ lực rất quan trọng trong vấn đề này. Chương trình đấu thầu đào tạo được đưa ra nhằm khơi dậy cạnh tranh giữa các cơ sở Dạy nghề công lập trên cơ sở tính toán hiệu quả giữa chi phí và

chất lượng. Đây là một bước quan trọng trong việc thiết lập thị trường đào tạo. Từ đó, có thể đạt được cả hai mục tiêu: đưa các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng, đồng thời định hướng các nguồn lực nhà nước tới chất lượng đào tạo tốt nhất, nghĩa là, đảm bảo ngân sách hạn hẹp được sử dụng hiệu quả nhất. Nhiều nước đã bắt đầu áp dụng cơ chế cấp ngân sách trên cơ sở năng lực đào tạo và / hoặc trên cơ sở các nguyên tắc đấu thầu trong lĩnh vực giáo dục. Việt Nam cũng có thể học tập những kinh nghiệm này, khi tiếp tục xây dựng các cơ chế tài chính để thúc đẩy chất lượng và sự phù hợp của đào tạo. Hơn nữa, những công việc thiết kế, lập kế hoạch nên dựa trên những trao đổi, bàn bạc về các phương pháp cấp ngân sách theo năng lực, vốn đã được đưa vào áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục đại học<sup>31</sup>.

Tuy nhiên, trong các nguyên do quan trọng nhất liên quan đến vấn đề chất lượng hiện tại, phải nói đến sự thiếu vắng hoàn toàn việc quản lý hiệu quả chất lượng trong hệ thống Dạy nghề. Đây là yếu tố tiên quyết cho phép lấy chất lượng để kinh doanh. Bất kể thay đổi gì trong khuôn khổ tài chính nhằm hỗ trợ đào tạo chất lượng sẽ chỉ mang lại hiệu quả nếu chất lượng Dạy nghề được xác định, đánh giá, và giám sát rõ ràng, nếu các định chế, pháp luật được ban hành trừng phạt những sự không tuân thủ, và không kém phần quan trọng, nếu có các cơ chế hỗ trợ các cơ sở nâng cao chất lượng. Dù đạt được bất kể thành công nào trong việc cấp ngân sách dựa trên năng lực cũng sẽ có tác dụng hỗ trợ năng lực đào tạo của các cơ sở trong việc đảm bảo chất lượng và cạnh tranh với các cơ sở khác trên cơ sở chất lượng và hiệu quả.

## 2.2 Cấp tài chính công cho Dạy nghề

Cho đến nay, công cuộc đổi mới Dạy nghề chưa được tính toán chi phí một cách toàn diện, đầy đủ. Những tính toán được công bố cho thấy dự kiến ngân sách chi cho Dạy nghề trong ngân sách dành cho Giáo dục và Đào tạo sẽ tăng từ 10%, hiện tại lên 12% vào năm 2010 (Báo cáo Bộ LĐ-TBXH, đoạn 2.5). Tháng 7/2007, Tổng cục trưởng TCDN cho biết, TCDN đã đề xuất một ngân sách chi tiêu lên tới 7.000 tỷ Đồng (khoảng 237.5 triệu Đô la Mỹ) cho giai đoạn 2006-2010 (Vietnam News ngày 27/7/2007). Tuy nhiên, dường như những con số tính toán này không có cơ sở thông tin tin cậy hay cách tính toán vững chắc. Không thấy có tính toán tổng thể về chi tiêu thường xuyên cho Dạy nghề theo các tiêu chí cần thiết, cũng không có phân tích đánh giá nào về đơn giá, giá thành (Phần 2.4), và cũng không có tính toán về chi phí vốn đầu tư, chi phí thường xuyên cho việc thực hiện triển khai các hợp phần của công cuộc đổi mới đã được lên kế hoạch (ví dụ như xây dựng thiết lập hệ thống chuẩn hóa, đánh giá và cấp chứng chỉ).

Tuy vậy, có vẻ như, công cuộc đổi mới nếu được thực hiện như kế hoạch, sẽ đòi hỏi nguồn lực lớn hơn rất nhiều mức chi hiện tại cho Dạy nghề, vì các lý do quan trọng sau đây:

- Mục tiêu cung ứng của Chính phủ Việt Nam thể hiện sự tăng chi phí, không chỉ vì tăng số lượng tuyển sinh, mà còn vì những thay đổi cơ bản trong hệ thống cung ứng. Hiện tại, các chương trình Dạy nghề ngắn hạn ít tốn kém hơn chiếm 80% tổng cung ứng về đào tạo nghề. Tuy nhiên, tỷ lệ này được cho là sẽ giảm xuống 70% trong năm 2010 và còn 50% trong năm 2020. Những chương trình đào tạo ngắn hạn trình độ sơ cấp nghề sẽ tăng không đáng kể từ 1.1 triệu đến 1.194 triệu. Mặt khác, kế hoạch dự kiến tăng tuyển sinh trình độ cao đẳng nghề lên 330% giai đoạn từ 2007 đến 2010, và vào khoảng 40% đối với Dạy nghề trình độ trung cấp nghề (Bộ LĐ-TBXH, điều 2.2). Điều này cho thấy toàn bộ sự tăng trưởng theo kế hoạch đề ra sẽ nằm ở khu vực những chương trình Dạy nghề tốn kém chi phí.
- Như kinh nghiệm các nước cho thấy, để cải thiện các cơ chế quy định pháp luật, giám sát và hỗ trợ cần phải có kinh phí. Đặc biệt, việc thiết lập và duy trì các chuẩn nghề nghiệp, cơ chế đánh giá và cấp chứng chỉ đòi hỏi các nguồn lực rất lớn cho chi phí thường xuyên, cả khi bắt đầu triển khai và duy trì sau này. Để nâng cao chất

<sup>31</sup> Báo cáo Ngân hàng Thế giới năm 2007.

lượng đào tạo, các đầu tư vào việc liên tục nâng cao năng lực sẽ là cần thiết. Không kém phần quan trọng, các đầu tư đại trà hiện tại vào các thiết bị hiện đại cho các cơ sở Dạy nghề cũng sẽ yêu cầu phát sinh chi tiêu đáng kể cho việc duy trì, vận hành, để đảm bảo tính bền vững của các chương trình đầu tư.

Vì vậy, để đạt được các mục tiêu phát triển tham vọng của Dạy nghề đòi hỏi tăng đáng kể các nguồn lực cho Dạy nghề. Tạm cho rằng tăng chi ngân sách nhà nước sẽ không đồng đều với yêu cầu tăng nguồn lực, vậy Chính phủ sẽ phải xác định ưu tiên chi tiêu. Các tài liệu về chính sách tiếp cận được cho thấy đã có việc xác định ưu tiên, tuy dường như vẫn còn chung chung, không cụ thể (Phần 2.5). Các vấn đề cần được trao đổi bàn bạc tiếp để tạo điều kiện cho quá trình lập kế hoạch trong tương lai, nên gồm:

- Tập trung chi tiêu ngân sách nhà nước cho các quy định pháp lý và bảo đảm chất lượng đồng thời đảm bảo cân bằng với cấp ngân sách cho việc triển khai đào tạo
- Xác định các ưu tiên, trọng tâm của lĩnh vực, hoặc trình độ đào tạo ưu tiên hoặc bám theo thị trường lao động (xuất khẩu lao động, đào tạo để tự tạo việc làm, v.v...), đưa vào hỗ trợ ngân sách nhà nước
- Cấp ngân sách cho các chương trình đảm bảo công bằng trong Dạy nghề, nghĩa là đảm bảo khả năng tiếp cận Dạy nghề cho các đối tượng thiệt thòi, khó khăn
- Đưa vào áp dụng các công cụ tài chính hỗ trợ các nhóm đối tượng, đấu thầu ngân sách nhà nước. Việc đấu thầu này có thể áp dụng với cả vốn đầu tư và các khoản hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.

Nhằm thống nhất chính sách với các nguồn lực sẵn có cho công cuộc đổi mới Dạy nghề, nghĩa là đảm bảo bền vững các quá trình đổi mới như dự kiến, TCDN cần tiến hành quá trình xây dựng khung (cơ chế) cấp tài chính đồng bộ, lồng ghép, và trên cơ sở tính toán chi phí của tiểu lĩnh vực. Khung tài chính này cần đưa ra các con số dự kiến về chi phí, kế hoạch chi tiết về chi tiêu cần thiết của chính phủ, và chỉ ra các cơ chế, biện pháp huy động thêm các nguồn lực, gồm cả các chiến lược (kèm tính toán chi phí liên quan triển khai các chiến lược này) để thực hiện những cơ chế này và tính toán các khoản thu từ các nguồn khác.

Quá trình lập kế hoạch như vậy cần được tiến hành trong các khuôn khổ trao đổi bàn bạc phù hợp với các ban ngành thuộc lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo và phải được đôn đầu bằng các nỗ lực đáng kể trong việc cải thiện tình hình thông tin và kiến thức liên quan của ngành. Cụ thể đặc biệt là những nghiên cứu phân tích về giá thành các chương trình Dạy nghề khác nhau, phân tích nghiên cứu về tính hiệu quả của các cơ chế thủ tục quản lý và tổ chức đào tạo nghề, cũng như đánh giá phân tích các nguồn phi chính phủ rót vào hệ thống Dạy nghề, đó là những việc cấp thiết cần phải thực hiện để định hướng cho việc lập kế hoạch của tiểu lĩnh vực (Dạy nghề) này.

Hơn thế, sự thiếu minh bạch trong cấp tài chính cho Dạy nghề như hiện tại, và việc tách rời quá trình đổi mới Dạy nghề khỏi quá trình lập ngân sách cho Dạy nghề sẽ là một cản trở rất lớn đến các quá trình lập kế hoạch và giám sát Dạy nghề. Vấn đề cốt lõi ở đây, về cơ bản chính là vấn đề của hệ thống quản lý tài chính công, hiện đang được đưa ra tranh luận rộng rãi trong lĩnh vực Giáo dục ở Việt Nam<sup>32</sup>. Tiểu lĩnh vực Dạy nghề cũng nên tham gia vào quá trình trao đổi, bàn bạc này.

### 2.3 Các vấn đề về tính hiệu quả

Dựa trên những thông tin có được từ chuyên khảo sát này, khó có thể đưa ra đánh giá chắc chắn về tính hiệu quả và các vấn đề liên quan của hệ thống Dạy nghề. Một nguyên tắc chung là, chiến lược tài chính cho Dạy nghề không chỉ nhằm tăng thu nhập cho hệ thống,

<sup>32</sup> Ví dụ, xem thêm Báo cáo của Clarke (2006) và Báo cáo Trách nhiệm Tài chính Quốc gia (2006).

mà gồm cả việc cải thiện, nâng cao tính hiệu quả. 3 vấn đề sau đây rất quan trọng cần xem xét đối với bối cảnh Việt Nam:

- Quá trình phân cấp phân quyền trách nhiệm cho cơ sở dưỡng như tạo điều kiện cơ bản cho việc triển khai một hệ thống quản lý hiệu quả. Trên thực tế, trao nhiều (hơn) quyền tự chủ cho các cơ sở Dạy nghề là một trong những vấn đề quan trọng nhất đặt ra đối với quá trình đổi mới. Một vấn đề khác là liệu lãnh đạo các cơ sở có đủ khả năng và có sẵn hệ thống cơ sở hạ tầng để tận dụng khai thác phạm vi các quyền và hoạt động trao cho họ hay không thông qua quá trình phân cấp phân quyền. TCDN có thể xem xét tiến hành một phân tích về phát triển tổ chức và nhu cầu nâng cao năng lực của các cơ sở Dạy nghề ở cấp quản lý quan trọng, đây là một bước trong quá trình tiến tới áp dụng quản lý chất lượng trong Dạy nghề.
- Phương thức đào tạo phổ biến trong hiện tại mà chủ yếu chỉ được thực hiện trong nhà trường, được bổ sung bằng một kỳ thực tập ngắn ngủi. Thực tế cho thấy các phương thức đào tạo khác có thể mang lại hiệu quả đầu tư đáng kể cho Dạy nghề. Đáng lưu ý là phương thức đào tạo hợp tác, nghĩa là kết hợp việc đào tạo trong nhà trường với việc học việc tại nơi làm việc, nó không chỉ hiệu quả cho việc nâng cao chất lượng, mà còn góp phần giảm chi phí cho Dạy nghề. Phương thức đào tạo hợp tác nếu được thực hiện một cách có hệ thống thường có thể giảm thời gian đào tạo trong nhà trường (vốn rất tốn kém) từ đó giảm chi phí nói chung cho các cơ sở Dạy nghề. Tại nơi làm việc, mặt khác, người học có thể tham gia vào quá trình sản xuất vì vậy có thể tạo ra lợi nhuận ngay trong khi đang đi học. Trong một Quyết định mới ban hành, Bộ LĐ-TBXH đã đề ra áp dụng thí điểm các chương trình về đào tạo hợp tác (Bộ LĐ-TBXH, 2006, đoạn 4.2). Đây là một bước đi đúng hướng, kể cả từ khía cạnh cấp tài chính cho Dạy nghề. Sau đó cần tiến hành một phân tích đầy đủ, kỹ lưỡng về chi phí khi tiến hành đánh giá chương trình thí điểm này.
- Cuối cùng, tính hiệu quả là một vấn đề cần được xem xét khi phân bổ ngân sách nhà nước. Khi ngân sách nhà nước hạn hẹp, chúng ta cần sử dụng thế nào để thúc đẩy Dạy nghề phù hợp, đạt chất lượng cao và đạt hiệu quả kinh tế. Ngân sách nhà nước nên được tập trung vào những khu vực mà nếu không có thì không thể thực hiện được những hoạt động đào tạo quan trọng, ví dụ, ở những khu vực mới phát triển hoặc trong lĩnh vực nghề mới nổi. Nói cách khác, tính hiệu quả của hệ thống Dạy nghề có thể cải thiện được thông qua việc phân bổ hợp lý ngân sách nhà nước, và qua cơ chế phân bổ, kích thích tính cạnh tranh trong thị trường đào tạo, hỗ trợ, khuyến khích chất lượng và tính phù hợp của công tác đào tạo. Như đã trao đổi trong các mục trên của chương này, Chính phủ Việt Nam đã chuyển dịch theo hướng này qua việc xác nhận rằng nhà nước cần xác định ưu tiên chi tiêu thông qua việc bắt đầu giới thiệu đưa vào áp dụng các cơ chế cấp ngân sách theo năng lực và khả năng cạnh tranh

## 2.4 Các hoạt động tăng thu nhập

Trong bối cảnh chung xã hội hóa và phân cấp phân quyền, các chính sách hiện tại mong muốn các chi phí cho công tác đào tạo tại nhà trường sẽ được trang trải nhiều hơn qua các hoạt động tăng thu nhập (IGAs). Đồng thời, việc gắn kết giáo viên và người học nhiều hơn vào các hoạt động tăng thu nhập cũng mong muốn nhằm đẩy mạnh đào tạo thực hành (Bộ LĐ-TBXH, đoạn 4.2), qua việc chỉ rõ rằng đến năm 2020, các hoạt động tăng thu nhập phải chiếm 20% tổng thu nhập -- theo chuẩn quốc tế, đây là một mục tiêu khá cao.

Như đã nêu trên, các hoạt động tăng thu nhập khá phổ biến trong lĩnh vực đào tạo, nhưng tiềm năng các nguồn thu dưỡng như chưa được khai thác hiệu quả, chưa kể đến thực tế là do công cuộc đổi mới gần đây, các cơ sở được hưởng quyền tự chủ rất lớn và chủ động quản lý và sử dụng các hoạt động tăng thu nhập. Các vấn đề điển hình liên quan đến các hoạt động tăng thu nhập ở một số nước, như các quy định hành chính cản trở việc sử dụng ngân sách, thì đã được dỡ bỏ ở Việt Nam. Các vấn đề lớn khác vẫn đang cản trở phát triển hoạt động tăng thu nhập, dưỡng như gồm:

- Trong khuôn khổ cấp tài chính, các nguồn khác, đặc biệt các nguồn từ học phí, thường dễ tăng hơn. Điều đó làm giảm thiểu việc tăng thu nhập từ các hoạt động tăng thu nhập khác.
- Các kỹ năng quản lý doanh nghiệp cần thiết, đặc biệt như, phân tích thị trường, marketing, quản lý chi phí và tài chính chưa đủ, chưa hiệu quả.

Kinh nghiệm một số nước cho thấy có thể thúc đẩy các hoạt động tăng thu nhập trong các cơ sở Dạy nghề qua việc kết hợp các hỗ trợ tài chính và việc nâng cao năng lực cho cán bộ lãnh đạo, quản lý Dạy nghề trong các cơ sở Dạy nghề. Các khuyến khích hỗ trợ tài chính có thể gồm, ví dụ như, sản lượng từ các hoạt động tăng thu nhập sẽ là một tiêu chí quyết định phân bổ ngân sách nhà nước.

Ở nhiều nước, người ta quan ngại rằng các hoạt động tăng thu nhập tạo ra cạnh tranh không công bằng cho các cơ sở tư nhân và bóp méo thị trường địa phương. Ở Việt Nam, có lẽ đây cũng là một quan ngại lớn vì các cơ sở thường được miễn thuế<sup>33</sup>. Có lẽ nên tìm hiểu tốt hơn về tác động tiềm ẩn các hoạt động tăng thu nhập lên thị trường địa phương vì đổi mới Dạy nghề cũng nhằm hợp tác tốt hơn giữa cơ sở Dạy nghề và doanh nhân trong khu vực địa phương. Ở một số nước, hội đồng cố vấn và giám sát nhà trường, trong đó có đại diện của khối doanh nhân và doanh nghiệp, đóng vai trò quan trọng trong việc khích lệ và lựa chọn các hoạt động tăng thu nhập cho nhà trường phù hợp với nhu cầu thị trường địa phương.

## 2.5 Đầu tư tư nhân vào Dạy nghề

Trung tâm của chính sách xã hội hóa Dạy nghề của Việt Nam là khuyến khích khối tư nhân đầu tư vào Dạy nghề và tăng cường tham gia của khối tư nhân vào đào tạo tư nhân hoặc đào tạo của doanh nghiệp. Với các chương trình hợp tác công tư, Việt Nam theo hướng các kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới đã thành công trong công cuộc đổi mới Dạy nghề của họ. Việc tăng cường ảnh hưởng và sự tham gia chia sẻ của khối tư nhân vào hệ thống Dạy nghề là điều rất quan trọng để tăng tính phù hợp và tính định hướng nhu cầu của đào tạo, đồng thời, cũng đa dạng hóa các nguồn lực, từ đó đảm bảo bền vững hệ thống.

Vì hệ thống chính sách cho phép (tạo ra) các lựa chọn khác nhau, phần tiếp theo đây sẽ trao đổi các vấn đề tách biệt, (a) các nhà (cung cấp) đào tạo tư nhân và (b) đầu tư của chủ sử dụng lao động.

### *Cơ sở đào tạo tư nhân*

Cụm từ cơ sở đào tạo tư nhân được sử dụng rộng rãi cho tất cả các loại hình cơ sở Dạy nghề ngoài công lập, gồm cả các cơ sở thương mại tư nhân và cả những cơ sở do các tổ chức phi chính phủ điều hành quản lý. Trong các trường thuộc thứ hai, nhiều cơ sở có thể được hỗ trợ một phần nào đó từ Ngân sách nhà nước, như các cơ quan đoàn thể, ví dụ Công Đoàn. Chương này sẽ đề cập cụ thể đến các cơ sở Dạy nghề thương mại tư nhân.

Việc khuyến khích đầu tư tư nhân vào cơ sở Dạy nghề nói chung được coi là một công cụ quan trọng huy động thêm nguồn lực cho Dạy nghề. Sự phát triển tăng trưởng của khối đào tạo tư nhân có thể là một công cụ có tác dụng cho việc giảm bớt gánh nặng tài chính cho chính phủ, đặc biệt, trong chi phí đầu tư cho các trung tâm đào tạo mới. Nhiều nước đã sử dụng các chính sách chiến lược củng cố đẩy mạnh thị trường đào tạo tư nhân và một số nơi cũng đã thành công<sup>34</sup>.

<sup>33</sup> Theo Luật Dạy nghề, đặc biệt, các sản phẩm từ đào tạo cũng được miễn thuế (Điều 53).

<sup>34</sup> Ví dụ ở Chi Lê, số trung tâm đào tạo tư nhân tăng từ 0 đến 168 trong những năm từ 1980 đến 1990 và là kết quả của các chính sách chiến lược. Ví dụ khác là ở Cộng hòa Séc, tất cả các chương trình đào tạo kỹ thuật mới đưa vào từ những năm 1993 đều do các nhà đầu tư tư nhân. Xem tài liệu của InWEnt 2005, trang 21.

Cũng cần nhấn mạnh rằng thực tế phát triển của các nhà đào tạo tư nhân có thể giúp nâng cao chất lượng, hiệu suất và hiệu quả chi phí đào tạo, kể cả trong khu vực Dạy nghề công lập, bằng cách đưa vào sự cạnh tranh trong thị trường đào tạo và mang lại những mô hình hiệu quả tốt.

Như đã chỉ rõ trong phần 2.2 của báo cáo này, Chính phủ Việt Nam đã thiết lập được cơ sở pháp lý tốt tạo điều kiện cho các cơ sở thương mại tư nhân phát triển. Luật cơ bản đã chỉ ra cơ hội tham gia ngang bằng cho các nhà đào tạo tư nhân so với các cơ sở đào tạo công lập, ở các khía cạnh như tự chủ, chủ động hoạt động quản lý, tiếp cận các chương trình chính sách hỗ trợ và công nhận đào tạo. Đồng thời có cả khả năng về pháp lý xem xét các cơ sở tư nhân cho việc cấp Ngân sách nhà nước, điều thể hiện cam kết cơ bản của Chính phủ đối với việc thúc đẩy thị trường đào tạo tư nhân. Đồng thời, các mục tiêu cũng rất tham vọng. Đó là các mục tiêu khá cao đối với sự tham gia của khối tư nhân vào Dạy nghề, trong việc chuyển đổi các cơ sở công lập thành công ty cổ phần, hiện đang được các nhà hoạch định chính sách đưa ra thảo luận bàn bạc.

Tuy nhiên, cho dù có môi trường pháp lý có vẻ thuận lợi, sự phát triển trước đây của Dạy nghề tư nhân tỏ ra vẫn chưa như mong đợi. Không có thông tin chính thống nào về các trở ngại hay rào cản, nhưng qua các cuộc làm việc và trao đổi trong chuyến khảo sát này cho thấy những vấn đề chính như sau:

- *Thiếu hiệu quả trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ*, v.d. không tiếp cận được với tín dụng và đất đai ưu đãi, với các điều kiện ưu đãi, đặc quyền như đề ra trong các chính sách hoặc đã ghi rõ trong luật;
- *Các cơ sở tư nhân còn thiếu khả năng cạnh tranh* so với khối công lập. Các cơ sở tư nhân chỉ có học phí để trang trải các chi phí, nhưng lại khó có thể thu phí đủ bù chi vì lý do cạnh tranh với khối công lập;
- *Các cơ sở tư nhân chưa gây dựng được uy tín* so với các cơ sở công lập đối với các nhóm đối tượng mục tiêu.

Nói chung, nếu thực hiện một nghiên cứu thấu đáo về môi trường đầu tư, cơ hội và các rào cản tiềm ẩn đối với đầu tư thương mại tư nhân vào Dạy nghề sẽ rất có tác dụng trong việc hiểu biết tốt hơn về các yếu tố quyết định cũng như những tồn tại trong thị trường đào tạo tư nhân và làm hoàn chỉnh phù hợp hơn các chính sách hỗ trợ.

Nghiên cứu này nên xem xét các khả năng chính sách cho phép lồng ghép đầu tư tư nhân vào hệ thống hỗ trợ của nhà nước, v.d. được tham gia vào đấu thầu các chương trình của nhà nước như một đối tượng thụ hưởng các Chương trình mục tiêu quốc gia. Trong bối cảnh này, các chương trình tài trợ của một số tổ chức lớn dường như đi đúng hướng, đặc biệt một dự án do ADB tài trợ và dự án thông qua Ngân hàng tái thiết Đức mong muốn đưa các tổ chức cá nhân vào thụ hưởng các hỗ trợ vốn đầu tư trong tương lai.

Hơn thế, nên đánh giá lại các chính sách đầu tư ngân sách nhà nước cho cơ sở Dạy nghề mới, ở khía cạnh tác động đám đông tiềm năng vào thị trường đào tạo tư nhân. Chính phủ nên giới hạn đầu tư của mình vào các khu vực Dạy nghề quan trọng, cốt yếu mà khối tư nhân không thể đảm đương.

### *Đầu tư của chủ sử dụng lao động vào Dạy nghề*

Có những dấu hiệu cho thấy việc áp dụng thực hiện chính sách xã hội hóa tại thời điểm hiện tại dường như hơi mất cân bằng, tạo ra những nguồn lực mới chủ yếu từ các hộ gia đình tư nhân. Còn các công ty, doanh nghiệp, đối tượng hưởng lợi chính của Dạy nghề, lại không đóng góp một cách hệ thống, ổn định.

Như trình bày ở trên, ở Việt Nam, sự tham gia của chủ lao động vào Dạy nghề khá hạn chế và chỉ tập trung ở các công ty nước ngoài, công ty lớn và công ty nhà nước hoặc những công ty áp dụng công nghệ cao. Thực tế các cơ sở Dạy nghề thường phải trả một khoản chi cho các công ty chấp nhận học viên của mình vào thực tập cho thấy tính trách nhiệm và chủ động với công tác Dạy nghề của các chủ lao động là rất lạc hậu. Điều này dường như mâu thuẫn với nhận định chung là các công ty ở Việt Nam đối mặt thực sự với vấn đề thiếu lao động có kỹ năng. Trong thực tế, các khảo sát điều tra đã thực hiện đã chỉ ra rằng thợ thủ công và thợ kỹ thuật lành nghề là rất thiếu trong thị trường lao động Việt Nam<sup>35</sup>. Mức độ đầu tư vào Dạy nghề như chúng ta vẫn cho là thấp của chủ lao động có thể vì thế chỉ ra rằng các công ty cho rằng các chương trình và bằng cấp Dạy nghề hiện tại không phù hợp hoặc chất lượng còn thấp. Một thực tế khác chứng minh thêm cho quan niệm này là một số công ty lớn và cả các hiệp hội thương mại, nghề nghiệp hiện nay đang tiến hành nhiều sáng kiến xung quanh việc tổ chức cơ sở đào tạo riêng mình – thường có kết hợp với những cơ sở đào tạo chuyên ngành – thay vì dựa vào thị trường đào tạo sẵn có.

Các chủ lao động là một trong những đối tượng hưởng lợi chính một nền Dạy nghề tốt và phù hợp. Ở các nước khác, điều này thường được coi là cơ sở mong đợi, thậm chí bắt buộc các công ty đóng góp vào chi phí đào tạo. Trên thực tế, trong tất cả những hệ thống Dạy nghề hiệu quả, các chủ lao động tham gia cấp tài chính cho Dạy nghề, dù qua việc tham gia vào đào tạo hay qua các khoản đóng góp tài chính, cũng thường là do bắt buộc hơn là tự nguyện hoàn toàn. Ở Đức là một ví dụ, các chủ doanh nghiệp thường đóng góp bằng những hình thức rất thực tế, qua các chương trình đào tạo thực hành<sup>36</sup>. Ở nhiều nước khác, các chương trình quỹ thuế là những công cụ huy động nguồn lực cho đào tạo, thường được tổ chức quản lý dưới hình thức là các quỹ đào tạo quốc gia. Malaixia, Hàn Quốc, hay Singapo là những nước ở châu Á áp dụng các quỹ đào tạo từ thuế. Ở Việt Nam, các nỗ lực tìm kiếm nghiên cứu cơ chế phù hợp nhằm tăng đóng góp của chủ sử dụng lao động dường như còn ở những bước khởi đầu.

Cần phân biệt hai loại hình đầu tư đào tạo khác nhau của doanh nghiệp:

- (a) đầu tư trực tiếp bằng đào tạo, nghĩa là công ty hỗ trợ đào tạo hoặc qua hình thức tổ chức đào tạo tại chỗ trong doanh nghiệp, hoặc tại các cơ sở đào tạo thuộc công ty, hoặc qua mô hình “đào tạo nghề hợp tác”, hoặc bằng việc thuê các tổ chức bên ngoài đào tạo nhân viên;
- (b) đóng góp tài chính, ví dụ, đóng góp cho quỹ thuế đào tạo. Một hình thức khác có thể là những hỗ trợ trực tiếp cho một số cơ sở Dạy nghề hoặc đóng góp một khoản vào các quỹ hỗ trợ.

Ở Việt Nam, chủ yếu đầu tư trực tiếp bằng đào tạo được hưởng ứng thực tiễn. Trong một nỗ lực tăng cường đào tạo tại chỗ, TCDN hiện đang thí điểm cơ chế hỗ trợ với 4 công ty, đó là TCT Than và Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông, Tập đoàn đóng tàu Việt Nam, và Tập đoàn lắp máy Việt Nam (Báo Viet Nam News, 27.7. 2007). Hơn thế, còn có nhiều chương trình, nỗ lực đẩy mạnh đào tạo hợp tác, và các dự án thí điểm hiện đang được chuẩn bị nhằm phát triển hơn nữa hệ thống đào tạo hợp tác<sup>37</sup>. Các phương thức hợp tác khác giữa cơ sở Dạy nghề và công ty cũng đặc biệt được khuyến khích. Hơn nữa, các chi phí phát sinh cho việc đào tạo nhân viên được coi là chi phí hoạt động và có thể được khấu trừ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp (theo Chính phủ Việt Nam, 11. 2006).

Những sáng kiến này đều nhắm đến hướng đi đúng đắn và nên được củng cố, thúc đẩy. Tuy nhiên, qua các cuộc phỏng vấn cho thấy, việc thực thi các cơ chế chính sách này chưa đạt được mong đợi. Ví dụ, các công ty nước ngoài phải đối mặt với các rào cản những thủ tục

<sup>35</sup> Báo cáo Ngân hàng Thế giới năm 2007, tr.153 – 161.

<sup>36</sup> Vài năm trở về trước, ước tính trung bình mỗi kỳ thực tập tiêu tốn của doanh nghiệp khoảng 7.800 Euro (10.600 USD) / năm, InWEnt 2005, tr. 16.

<sup>37</sup> Theo thông tin các cuộc làm việc với cán bộ TCDN, chính sách kêu gọi đào tạo hợp tác cũng được đề cập trong văn bản của Bộ LĐ-TBXH năm 2006.

hành chính không thể bỏ qua được khi cố gắng mở trung tâm đào tạo của công ty mình. Bên cạnh đó, tính hiệu quả của việc khấu trừ thuế như một chính sách hỗ trợ đầu tư đào tạo cần phải được phân tích xem xét. Cuối cùng, những yêu cầu về các hoạt động đào tạo bắt buộc và hạn chế tuyển dụng<sup>38</sup> để hỗ trợ nên được bàn bạc trao đổi kỹ lưỡng và phân tích rõ tác động của chúng trước khi thực hiện áp dụng một biện pháp pháp lý nào.

Nếu đầu tư của doanh nghiệp vào Dạy nghề tiếp tục bị giới hạn chỉ trong khuôn khổ các công ty nước ngoài, các công ty lớn của nhà nước, thì Chính phủ nên xem xét việc thành lập một quỹ thuế cho Dạy nghề, như một công cụ song hành kích lệ kêu gọi đầu tư trực tiếp vào Dạy nghề. Quỹ này một mặt có lẽ cũng nên nhằm huy động thêm nguồn lực cho các chương trình hỗ trợ Dạy nghề quốc gia. Tuy nhiên, với những công ty được miễn trừ do có đóng góp vào đào tạo, hoặc được giảm trừ do có đóng góp trực tiếp vào các chi phí đào tạo, thì quỹ này đồng thời có thể coi là công cụ cung cấp hỗ trợ thêm cho các công ty tiến hành đào tạo<sup>39</sup>. Hiện tại, ở bậc giáo dục đại học, các ý tưởng tư duy như thế này cũng đang được hình thành vào trao đổi. Vì thế, cần có sự điều phối, tổng hợp các trao đổi bàn bạc tương tự đang diễn ra cùng lúc về vấn đề này

## 2.6 Khả năng tiếp cận và bình đẳng

Cải thiện khả năng tiếp cận và sự bình đẳng trong cơ hội tiếp cận Dạy nghề là một trong những mục tiêu quan trọng của công cuộc đổi mới Dạy nghề của Việt Nam. Điều này được gắn chặt với các mục tiêu về tăng tuyển sinh và kế hoạch mở rộng quy mô mạng lưới cơ sở Dạy nghề tới các vùng miền, trong đó có mục tiêu ít nhất mỗi quận/huyện có 1 trung tâm Dạy nghề (theo Bộ LĐTBXH, 2006). Các chương trình xã hội đặc biệt cũng nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận Dạy nghề cho các nhóm đối tượng thiệt thòi (như dân tộc thiểu số, con em liệt sỹ, thương binh, và các đối tượng khác), cũng như các đối tượng nghèo nói chung<sup>40</sup>.

Các nỗ lực đổi mới chính sách đã thực hiện thường có tác động lên nhóm đối tượng thu nhập thấp, cụ thể ở đây chủ yếu ở việc tăng học phí như hiện đang dự định. Ngay trong hiện tại, tổng chi phí đào tạo đối với hộ gia đình, gồm chi phí sinh hoạt, được ước tính khoảng 700.000 Đồng / tháng / người học<sup>41</sup>. Hơn nữa, con em các gia đình nghèo và các nhóm đối tượng khó khăn khác thường ít thấy có mặt trong các chương trình Dạy nghề sơ cấp ngắn hạn, và vấn đề này cần phải xem xét khi Chính phủ có ý định tập trung đầu tư vào các bậc học cao. Ngay hiện nay, đào tạo bậc sơ cấp không được đưa vào hệ thống cấp ngân sách chi tiêu theo chỉ tiêu.

Các số liệu và thông tin về sự tham gia vào Dạy nghề của nhóm đối tượng khó khăn không thể thu thập được trong chuyến khảo sát này. Tuy nhiên, các cuộc trao đổi và làm việc hé lộ sự hoài nghi về tính hiệu quả của các chương trình hỗ trợ chính sách xã hội ở khả năng tiếp cận đối tượng. Phân tích sâu hơn về vấn đề này có lẽ là cần thiết<sup>42</sup> để tìm hiểu việc thiết kế cơ chế hỗ trợ phù hợp cho nhóm đối tượng nghèo, và nhằm tăng cơ hội tiếp cận Giáo dục và Dạy nghề cho trẻ em nghèo và thuộc các hộ gia đình khó khăn. Trong bối cảnh này, khả năng tiếp cận các kênh tín dụng mới của sinh viên Dạy nghề cũng nên được đánh giá.

<sup>38</sup> Trong các cuộc làm việc, người ta nhắc đi nhắc lại việc phải bắt buộc các công ty là tất cả nhân viên của họ phải được đào tạo nghề phù hợp.

<sup>39</sup> Một điều ủng hộ cho quan điểm lập quỹ thuế đào tạo, và đặc biệt cơ chế phân bổ lại từ quỹ thuế này - một công cụ có lẽ quan trọng đối với bối cảnh Việt Nam - là các cơ chế này tạo ra sự điều hòa, bù đắp giữa các công ty tham gia đào tạo và không tham gia đào tạo, từ đó, giảm tác động tiêu cực của việc "câu nhân viên" của nhau. Lo ngại "câu nhân viên" sau đào tạo được nhắc đến thường xuyên như một trở ngại, lo ngại cho đầu tư của công ty vào Dạy nghề.

<sup>40</sup> Trẻ em gái và phụ nữ, là những nhóm người trong truyền thống, chịu ảnh hưởng của sự mất công bằng trong Dạy nghề, dường như không được xem là một vấn đề cần quan tâm ở Việt Nam. Thực tế, tỷ lệ trẻ em đến trường trong hệ thống Giáo dục ở Việt Nam dường như cân bằng giữa nam và nữ. Việt Nam nói chung được xem là một trong những quốc gia tiến bộ về vấn đề Giới. Xem Báo cáo Đánh giá Giới năm 2006.

<sup>41</sup> Theo ước tính của cán bộ quản lý cơ sở Dạy nghề đến thăm và làm việc trong khuôn khổ chuyến khảo sát này.

<sup>42</sup> Báo cáo nghiên cứu mới đây của Ngân hàng Thế giới về Hỗ trợ ngân sách mục tiêu cho Giáo Dục Cho Mọi Người (TBS EFA) đã chỉ ra những kết quả đáng quan tâm về vấn đề này.



### 3 Khuyến nghị

Trong phần này, các khuyến nghị từ những phân tích trên cũng được tổng hợp lại. Phần này được chia thành (1) những việc cần làm để tiếp tục xây dựng các cơ chế công cụ tài chính cho Dạy nghề ở Việt Nam và (2) gợi ý về những hoạt động có thể thực hiện trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam – CHLB Đức, nhằm thúc đẩy quá trình này.

Nói một cách tóm tắt, các nỗ lực và kết quả đổi mới trước đây nên được tiếp tục, củng cố và cải thiện nhằm củng cố việc đa dạng hóa các nguồn lực cho Dạy nghề. Đặc biệt cần chú ý đảm bảo các cơ sở Dạy nghề sử dụng quyền tự chủ để nâng cao tính phù hợp và chất lượng Dạy nghề. Ngân sách nhà nước nên được phân bổ thận trọng. Nó nên được dùng để hỗ trợ những sáng kiến, việc làm tốt, tăng hiệu xuất, chất lượng và sự sáng tạo của hệ thống Dạy nghề. Cuối cùng, các công cụ tăng đầu tư tư nhân phải được xây dựng một cách phù hợp.

#### 3.1 Khuyến nghị tiếp tục xây dựng phát triển Hệ thống tài chính cho Dạy nghề

Trong các chính sách trước đây, nhiều bước đổi mới nhằm đảm bảo tính bền vững, ổn định và tăng nguồn lực đã được Chính phủ Việt Nam xác định. Bao gồm công cuộc xã hội hóa và khuyến khích đầu tư tư nhân, giảm bớt quy định và làm linh hoạt môi trường đào tạo, hoặc việc đưa vào áp dụng các mô hình đào tạo có hiệu quả đầu tư. Trước hết, các nỗ lực và chính sách này cần tiếp tục thực hiện triển khai, củng cố và làm sắc bén. Các cơ chế chính sách khác có thể xem như là những giải pháp tiếp theo.

Các phần sau đây đề cập đến các vấn đề được cho là cốt lõi của bối cảnh hiện tại, tác động đến các hoạt động cấp chính sách/hệ thống và cấp cơ sở.

##### 3.1.1 Khuyến nghị cấp chính sách, hệ thống

*Phát triển xây dựng cơ chế tài chính lồng ghép và tính theo giá thành*

Để đảm bảo tính bền vững của công cuộc đổi mới Dạy nghề đầy tham vọng và tiếp tục các chương trình phát triển, Chính phủ Việt Nam cần nỗ lực hết mình xây dựng **một cơ chế khung và kế hoạch về tài chính lồng ghép**, dựa trên những ưu tiên về chính sách, tính toán đầy đủ chi phí các hoạt động, dự tính lập ngân sách cho chi phí và chi tiêu một cách vững chắc. Lồng ghép, trong bối cảnh này, nghĩa là xem xét đưa vào tất cả các loại hình đào tạo và tất cả các loại nguồn lực – công và tư – vào quá trình lập kế hoạch, và đưa ra bức tranh đầy đủ về các nguồn cung Dạy nghề trên toàn quốc và các nguồn lực tương ứng. Cơ chế khung này cũng nên tính đến các cơ chế cấp ngân sách, các chiến lược và lộ trình thời gian đã có về việc lồng ghép các hoạt động đổi mới hệ thống cấp ngân sách. TCDN cần tham vấn với các cơ quan chính phủ khác liên quan Dạy nghề cũng như khối tư nhân trong quá trình xây dựng cơ chế cấp tài chính này.

Một điều kiện tiên quyết trong suốt quá trình lập kế hoạch là trước hết, cần giải quyết vấn đề **các khoảng trống (thiếu hụt) nghiêm trọng về thông tin và số liệu thống kê**, mà hiện nay làm cho việc lập kế hoạch của tiểu lĩnh vực Dạy nghề không thể tiến hành được. Đặc biệt, chú ý các vấn đề sau:

- Tính toán đơn giá cho các chương trình dạy nghề khác nhau ở các bậc đào tạo khác nhau, trên cơ sở chuẩn mới và các chương trình đào tạo hiện đang được xây dựng;
- Tính toán so sánh đơn giá các phương thức dạy nghề khác nhau, ví dụ, phương thức đào tạo hợp tác hiện đang được xem xét, đào tạo từ xa và các lựa chọn đào tạo khác hiện đang áp dụng hoặc đang được xây dựng. Phân tích mang tính so sánh này sẽ

bổ sung và hoàn thiện cho quá trình xác định ưu tiên và các lựa chọn của các cơ sở đào tạo.

Việc **xây dựng hệ thống quản lý thông tin về Dạy nghề**, trong đó ghi lại những phát triển trong từng mảng cụ thể, và các số liệu về tuyển sinh, nhập học ở các nhóm khác nhau của lĩnh vực Dạy nghề, là một điều kiện tiên quyết để đưa ra các tính toán quan trọng về chi tiêu thường xuyên trong khối công lập và tư thực cũng như các cấu trúc chi tiêu, loại hình chi phí.

Mặc dù thuộc sự quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH, Dạy nghề ở Việt Nam là một phần của lĩnh vực Giáo dục-Đào tạo. Việc lập kế hoạch phát triển mở rộng Dạy nghề không thể bỏ qua các quá trình và nỗ lực thuộc lĩnh vực đào tạo nói chung, đặc biệt, ở cấp trung học và giáo dục đại học. Có nhiều vấn đề liên quan đến cơ chế cấp tài chính (v.d. cải tổ hệ thống cơ cấu học phí, thuế giáo dục/đào tạo, đổi mới hệ thống lập ngân sách) và các chủ đề hiện đang được bàn bạc trao đổi ở các khối, ngành thuộc lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo. TCDN vì vậy nên **chia sẻ và tham vấn các kế hoạch và chính sách của mình với các cơ quan bản ngành khác của lĩnh vực đào tạo**. Còn đối với việc lập kế hoạch cấp tài chính đang khuyến nghị ở đây, cần định hướng quá trình này bám sát với quá trình tham vấn và xem xét các cách thức hiện nay về thiết lập cơ chế chi tiêu trung hạn trong lĩnh vực Giáo dục (xem thêm báo cáo của Clarke năm 2006). Bất kể nỗ lực nào tiến tới thiết lập hệ thống báo cáo tài chính thường xuyên và tin cậy cũng mang lại tác động tốt cho Dạy nghề, điều mà lĩnh vực Giáo dục hiện nay đang phấn đấu (báo cáo của Clarke năm 2006).

### *Xây dựng hệ thống cấp ngân sách theo năng lực*

Nhằm chỉnh sửa cơ cấu hỗ trợ cho các cơ sở Dạy nghề, đặc biệt cấp hỗ trợ cho việc nâng cao chất lượng trong đào tạo nghề, **cấu trúc phân bổ ngân sách cũng cần được xây dựng để kết nối hiệu quả ngân sách nhà nước với năng lực làm việc và kết quả đào tạo**. Một cơ chế cách thức phân bổ ngân sách phải được xây dựng, trong đó kết hợp các tiêu chí khác nhau làm sao đảm bảo ngân sách cho cơ sở, đồng thời phải tạo ra các hỗ trợ mạnh mẽ để cải thiện năng lực các cơ sở đào tạo. Một mặt, việc phân bổ ngân sách cho cơ sở Dạy nghề cần dựa trên con số nhập học và các yếu tố liên quan đến từng nghề, từng vùng miền, một số tiêu chí khác cũng nên đưa vào hợp đồng đào tạo và có thể gồm:

- Kết quả kiểm tra và tỷ lệ tốt nghiệp. Tuy nhiên, các chỉ số này đòi hỏi thiết lập và áp dụng hiệu quả hệ thống độc lập về kiểm soát chất lượng và các biện pháp đánh giá, ví dụ như hệ thống tiêu chuẩn nghề nghiệp cùng với hệ thống đánh giá dựa trên chuẩn.
- Sự thành công và hiệu quả của việc sắp xếp việc làm cho sinh viên tốt nghiệp, việc này có thể đánh giá qua các nghiên cứu tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp.
- Sự thành công và hiệu quả trong hợp tác với doanh nghiệp, ví dụ qua việc thực hiện áp dụng các chương trình đào tạo hợp tác (số hợp đồng thực tập cho sinh viên).
- Sự thành công và hiệu quả trong việc tạo ra thu nhập từ các hoạt động sản xuất và từ các chương trình đào tạo thiết kế theo nhu cầu.

Cũng cần xem xét ở mức độ nào, trong những điều kiện nào thì việc gắn kết phân bổ ngân sách đầu tư theo các chỉ số năng lực, gồm cả ngân sách **các chương trình mục tiêu (vd. Dự án số 7 trong CTMT quốc gia Giáo dục-Đào tạo)**. Một nghiên cứu đánh giá tác động Dự án số 7 có thể nên tiến hành đồng thời với việc đánh giá tổng thể CTMT quốc gia Giáo dục-Đào tạo có lẽ sẽ cho chúng ta những hiểu biết tốt hơn, đầy đủ hơn về khía cạnh này.

### *Phát triển thị trường đào tạo*

Ngoài việc gắn kết phân bổ ngân sách dựa trên năng lực, việc **khích lệ cạnh tranh giữa các nhà đào tạo**, cũng có thể tạo ra những xúc tác hỗ trợ cho các cơ sở Dạy nghề trong việc nâng cao tính phù hợp và chất lượng đào tạo của các cơ sở. Trong một thị trường đào tạo minh bạch và cởi mở, các cơ sở Dạy nghề sẽ phải tổ chức đào tạo ở mức độ chất lượng

Tài chính cho Dạy nghề Việt Nam - Báo cáo - 12/2007

tối thiểu nào đó, với giá thành hợp lý để có thể “bán” sản phẩm đào tạo của mình. Áp dụng các điều kiện, yếu tố thị trường vào môi trường đào tạo nói chung được coi là một công cụ hiệu quả thúc đẩy cả: chất lượng và hiệu quả đầu tư.

Các biện pháp đưa yếu tố thị trường vào Dạy nghề ở Việt Nam gồm:

- **Tiếp tục phát triển hơn nữa hệ thống đấu thầu hợp đồng đào tạo khi phân bổ ngân sách thường xuyên**, việc mà mới đây đã được đưa vào thí điểm. Nên đánh giá quá trình thí điểm này ở tính hiệu quả và các yêu cầu về mặt tổ chức để sau đó có thể nhân rộng công cụ này trong toàn bộ hệ thống Dạy nghề công lập.
- **Triển khai đổi mới hệ thống học phí như đã lên kế hoạch**. Tính linh hoạt cao hơn trong mức phí sẽ giúp các cơ sở Dạy nghề có thể tiếp cận các nhóm đối tượng cụ thể và các điều kiện thị trường cụ thể. Nó cũng cho phép các cơ sở có kinh phí chi trả cho chất lượng qua việc tăng học phí<sup>43</sup>. Tuy nhiên, quan trọng là đổi mới hệ thống học phí sẽ tạo tính linh hoạt cho các cơ sở Dạy nghề trong việc quyết định mức học phí (trong khoảng giới hạn nào đó).

Như kinh nghiệm các nước khác cho thấy, các cơ chế thị trường trong hệ thống Dạy nghề cũng thường hỗ trợ sự phát triển của khối đào tạo tư nhân, điều cũng được đề cập trong các chính sách liên quan của chính phủ, như một công cụ tăng nguồn lực đổ vào hệ thống Dạy nghề. Đặc biệt, nếu các nhà đào tạo tư nhân được hoạt động trong sân chơi bình đẳng, có thể mang lại cơ hội cạnh tranh với các cơ sở công lập và phát triển thành nhóm các nhà đóng góp quan trọng. Để tạo điều kiện **các nhà đào tạo tư nhân hòa nhập vào thị trường đào tạo đầy đủ**, có thể cần xem xét họ một cách bình đẳng đối với các chương trình cấp tài chính công. Gồm:

- **Xem xét cho phép các cơ sở tư nhân tham gia hệ thống đấu thầu đào tạo**; đồng thời
- **Xem xét cơ sở tư nhân trong các chương trình hỗ trợ cấp vốn** cho các cơ sở Dạy nghề.

Trong thị trường đào tạo đã phát triển, ngân sách nhà nước cho Dạy nghề sẽ được đưa về những cơ sở đào tạo tốt nhất (theo tiêu chí chất lượng và giá thành) cho dù là cơ sở công lập hay tư thực, vì thế, có thể đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả đầu tư của toàn hệ thống.

Hơn nữa, việc áp dụng các công cụ cấp tài chính dựa trên nhu cầu có thể nên xem xét đối với các chương trình xã hội đặc biệt tạo khả năng tiếp cận Dạy nghề cho các nhóm đối tượng cụ thể (vd. bộ đội xuất ngũ). Cấp tài chính dựa trên nhu cầu có thể tổ chức thực hiện, ví dụ, thông qua các phiếu có giá trị mua dịch vụ từ bất kể cơ sở Dạy nghề nào. Tuy nhiên, kinh nghiệm quốc tế về việc phát hành các phiếu khá là khác nhau. Vì vậy, ở Việt Nam việc phát hành các phiếu kết hợp với các chương trình xã hội đặc biệt nên được dần dần đưa vào áp dụng dần dần qua các dự án thí điểm được thiết kế hết sức cẩn thận, và nên áp dụng ở vùng thành thị nơi các dịch vụ Dạy nghề khá đa dạng và đáng kể.

#### *Củng cố sự tham gia của chủ lao động trong cấp tài chính cho Dạy nghề*

Các đóng góp của chủ lao động vào hệ thống Dạy nghề, mà hiện tại là rất yếu, có tiềm năng trở thành một trong những nguồn đóng góp chủ yếu, cần huy động để phục vụ cho việc nâng cao mặt bằng nguồn lực của Dạy nghề. Trong bối cảnh này, **cả hai hình thức đóng góp của chủ lao động: đóng góp trực tiếp, nghĩa là tham gia vào việc cung cấp đào tạo, cũng như đóng góp về tài chính cần được phát triển một cách có tổ chức.**

<sup>43</sup> Các thông tin có được chỉ ra lợi ích cá nhân ngày càng tăng của đầu tư giáo dục ở Việt Nam (xem Báo cáo Ngân hàng Thế giới, 2007). Với thực tế này, việc tăng học phí có thể bảo vệ/giải trình được.

Tăng cường sự tham gia của chủ lao động trong tổ chức đào tạo nghề đòi hỏi có các hệ thống cơ chế hoạt động phù hợp và có thể mang lại lợi ích. Xây dựng **các chương trình đào tạo hợp tác** trong Dạy nghề (như đào tạo thực hành) sẽ là những công cụ cung cấp các nguồn thu cho chủ lao động để có thể tham gia hiệu quả vào công tác Dạy nghề. Các cơ chế hoạt động khác có thể bao gồm **nói lỏng môi trường pháp lý các quy định cho đầu tư mới các cơ sở đào tạo tại doanh nghiệp**, và các **quy định linh hoạt về kiểm định và công nhận các chương trình đào tạo của công ty**, do công ty hoặc các tổ chức của ngành xây dựng.

Hỗ trợ tài chính cho chủ lao động để đào tạo nhân viên nên được đưa ra cùng với việc cải thiện hệ thống và môi trường pháp lý. Cần nhiều hơn các phân tích đánh giá để hiểu rõ hơn về các rào cản hiện tại và đánh giá tính khả thi của các chương trình hỗ trợ như hỗ trợ thuế hoặc các hỗ trợ trực tiếp. Do đó, khuyến nghị tiến hành một nghiên cứu về cản trở và cơ hội tăng đầu tư của chủ lao động vào Dạy nghề, để nhằm xác định ra các phương pháp và cơ chế hỗ trợ phù hợp.

Cũng nên xem xét việc lồng trong nghiên cứu này phân tích **tính khả thi của việc đưa vào áp dụng cơ chế quỹ thuế cho đào tạo** ở Việt Nam. Quỹ thuế đào tạo sẽ bắt buộc các công ty (đối tượng hưởng lợi chính của Dạy nghề) đóng góp vào chi phí đào tạo và có thể, nếu được thiết kế phù hợp, mang lại những hỗ trợ hiệu quả cho các công ty muốn tiến hành các hoạt động đào tạo của riêng mình. Nghiên cứu khả thi này cần xem xét các vấn đề sau đây:

- Phân tích đánh giá, các cản trở chính trị và các cơ hội của việc đưa vào áp dụng quỹ thuế đào tạo;
- Tính khả thi của 1 hệ thống cấp ngân sách trên cơ sở nộp thuế;
- Tính toán mức thu đối với mỗi tình huống khả năng khác nhau;
- Các khả năng lựa chọn về cấu trúc tổ chức của việc thu thuế cho quỹ;
- Các khả năng lựa chọn về sử dụng ngân sách quỹ;
- Quản lý quỹ bao gồm cả cấu trúc ra quyết định;
- Mối quan hệ tương quan / hòa nhập với các quỹ khác trong lĩnh vực giáo dục, nếu có.

### *Tăng cường tính công bằng*

Với xu hướng tăng học phí và kế hoạch tập trung ngân sách nhà nước cho đào tạo nghề cấp cao, các vấn đề về tính công bằng trở thành trung tâm của sự quan tâm. Các kiến thức và thông tin hiện tại, như thu thập được trong chuyến khảo sát này, không cho phép xác định cụ thể các vấn đề hay đưa ra khuyến nghị về đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận với Dạy nghề. Tuy nhiên, khuyến nghị tiến hành nhiều hơn các phân tích, như là bước đầu tiên tiến đến chỉnh sửa hoàn thiện các cơ chế, chương trình hiện có hoặc xây dựng mới các chương trình hỗ trợ tiếp cận Dạy nghề cho các nhóm đối tượng nghèo và khó khăn. Cụ thể, nghiên cứu nên tìm hiểu các vấn đề sau:

- Tìm hiểu thực trạng về sự tham gia của các nhóm người nghèo và khó khăn vào Dạy nghề, tìm hiểu thực trạng;
- Đánh giá tác động và hiệu quả các chương trình hỗ trợ xã hội gồm cả các chương trình cho sinh viên mới vay vốn.

Hơn nữa, quá trình đổi mới Dạy nghề hiện tại, nên được hỗ trợ bằng việc **giám sát tác động xã hội** để đảm bảo cảnh báo kịp thời về những đối tượng có thể bị bỏ quên. Công việc này, nên được tiến hành cùng với, hoặc có thể lấy thông tin từ những việc làm tương tự trong các lĩnh vực khác thuộc Giáo dục-Đào tạo.

### **3.1.2 Khuyến nghị cấp cơ sở**

*Nâng cao năng lực các cơ sở Dạy nghề và cán bộ quản lý Dạy nghề*

Tài chính cho Dạy nghề Việt Nam - Báo cáo - 12/2007

Đầu tiên cần nâng cao năng lực cho các cơ sở Dạy nghề, tiếp theo là hỗ trợ năng lực quản lý và hiệu quả quản lý, để tăng khả năng cho các cơ sở Dạy nghề tuân theo các chuẩn chất lượng ngày càng được nâng cao. Cần lưu ý rằng các công cụ cấp tài chính nhằm vào việc nâng cao nâng cao chất lượng đào tạo, như cấp ngân sách theo năng lực, cần phải áp dụng sao cho hiệu quả đối với nâng cao năng lực cho cả cơ sở để có thể tổ chức đào tạo có chất lượng

Vi vậy, khuyến nghị rằng:

- Tiến hành **phân tích sự phát triển của tổ chức** (nghiên cứu điển hình) để tìm ra các vấn đề liên quan đến tính hiệu quả và xây dựng các chiến lược nhằm thay đổi, cải thiện.
- Tiến hành phân tích nhu cầu, xây dựng và thực hiện **chương trình nâng cao năng lực đồng bộ cho cơ sở đào tạo**, trên các vấn đề như quản lý chất lượng, tính toán chi phí và quản lý tài chính, marketing, v.v...
- Trên cơ sở tiến hành các phân tích về nhu cầu, xây dựng các **chiến lược thúc đẩy các hoạt động tăng thu nhập của cơ sở Dạy nghề gồm cả việc biên soạn và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo nhu cầu cụ thể**; các hỗ trợ có thể là nâng cao năng lực các cơ quan quản lý và giám sát (trong phân tích thị trường, marketing, tính toán chi phí, v.v...), hỗ trợ các đơn vị từng trường trong quá trình xây dựng phát triển cơ sở; các nghiên cứu về tác động hoạt động tăng thu nhập trong thị trường địa phương, v.v...
- Đánh giá tính khả thi ở **một số địa bàn lựa chọn, và hỗ trợ thí điểm, nếu thấy khả thi – các trường có sản xuất.**

*Thúc đẩy hợp tác giữa cơ sở Dạy nghề (đào tạo) và doanh nghiệp*

Hợp tác giữa cơ sở Dạy nghề và doanh nghiệp được hỗ trợ trong quá trình đổi mới chính sách (hệ thống đào tạo hợp tác; các cơ chế hỗ trợ, các chương trình cấp vốn, v.v...) cần được đưa ra áp dụng ở cấp vi mô. TCDN vì thế cần xây dựng các chiến lược hợp tác hỗ trợ giữa cơ sở Dạy nghề và thế giới công việc, gồm việc cùng nhau chia sẻ tổ chức đào tạo và các hợp tác khác giữa cơ sở Dạy nghề và doanh nghiệp hay các hiệp hội kinh tế. Các hỗ trợ có thể bao gồm các chương trình liên kết giữa các cơ sở và các công ty, tham vấn trong quá trình triển khai thí điểm đào tạo hợp tác, tham vấn hỗ trợ trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo nhu cầu cụ thể cho doanh nghiệp, và các công cụ khác tùy vào nhu cầu.

### 3.1.3 Các hoạt động hỗ trợ song song

Riêng TCDN hợp tác với các Sở/Phòng TB-LĐXH hay các đối tác hợp tác cũng không thể triển khai các chương trình nâng cao năng lực đồng bộ và bền vững tới tất cả các cơ sở Dạy nghề ở Việt Nam. Vì vậy, có lẽ nên xem xét thiết kế đề án xây dựng một đội ngũ các chuyên gia tư vấn trong nước về Dạy nghề. Các chuyên gia này sẽ chuyên về quản lý và xây dựng các cơ sở Dạy nghề và có khả năng hỗ trợ, tư vấn cho các cơ sở trong suốt quá trình đổi mới. Dự án này có thể thiết kế theo kiểu xây dựng kế hoạch dịch vụ kinh doanh nhằm vào phát triển các dịch vụ thương mại hỗ trợ cho các cơ sở Dạy nghề.

Dường như việc đưa vào áp dụng các nguyên lý về cấp tài chính theo năng lực, như đã đề xuất ở trên, sẽ mang lại nhu cầu rất lớn và hiệu quả cho các dịch vụ hỗ trợ. Các cơ sở Dạy nghề cần được hỗ trợ khi đưa vào áp dụng các cơ chế quản lý chất lượng, tuân thủ theo các quy định về kiểm định, xây dựng các đề án xin cấp ngân sách vốn, và không kém phần quan trọng, dự thảo các đề án đấu thầu đào tạo nguồn ngân sách nhà nước. Họ có lẽ cũng cần liên kết với cộng đồng thương mại địa phương để hòa nhập với các chiến lược hợp tác. Tất cả những điều này có lẽ sẽ tạo ra một thị trường thương mại cho các tư vấn phát triển Dạy nghề

### 3.2 Khuyến nghị các hoạt động tiếp theo cho Chương trình Hợp tác Việt Nam-CHLB Đức

Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) hiện đang hợp tác với Chính phủ Việt Nam trong khuôn khổ dự án *Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề*. Hiện tại, dự án tập trung hỗ trợ một số *cơ sở Dạy nghề làm mẫu*. Trong tương lai, một dự án mới sẽ tập trung vào việc hỗ trợ tư vấn chính sách và phát triển hệ thống, và dự án này hiện đang được chuẩn bị. Trong cả hai phạm vi trọng tâm này, GTZ có sứ mệnh hỗ trợ quá trình phát triển cơ chế tài chính bền vững cho Dạy nghề ở Việt Nam.

GTZ nên trước tiên hỗ trợ quá trình phát triển cơ chế khung về cấp tài chính cho Dạy nghề theo lộ trình dưới đây.

Ở cấp hệ thống, các hoạt động ngắn và trung hạn như sau được khuyến nghị thực hiện:

- 1 Tổ chức **hội thảo quốc gia** gồm các nhà ra quyết định và các cơ quan ban ngành nhằm trao đổi và đi đến thống nhất về các thành tố quan trọng và định hướng chiến lược cho cơ chế cấp tài chính Dạy nghề của Việt Nam trong tương lai. Điều này sẽ giúp xác định cơ chế cho các hoạt động tiếp theo sau này.
- 2 **Cải thiện sự hiểu biết và kiến thức về ra quyết định trong Dạy nghề**, đặc biệt là hỗ trợ Chính phủ thực hiện các nghiên cứu sau:
  - Đánh giá so sánh chi phí các chương trình Dạy nghề khác nhau
  - Đánh giá đầu tư tư nhân vào Dạy nghề, gồm việc phân tích các trở ngại và cơ hội
  - Đánh giá tác động Chương trình Tăng cường Năng lực Dạy nghề (Dự án số 7, CTMT quốc gia Giáo dục-Đào tạo), có thể đánh giá đồng thời trong mối tương quan với các lĩnh vực giáo dục khác
  - Đánh giá và phân tích tác động các chương trình Dạy nghề dành cho đối tượng chính sách xã hội
  - Tiếp tục xác định các chủ đề ưu tiên sau khi tổ chức hội thảo quốc gia
- 3 Hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong quá trình xây dựng mô hình, tùy theo nhu cầu và thỏa thuận đạt được trong hội thảo quốc gia và kết quả của các nghiên cứu. Các vấn đề quan trọng là:
  - Mô hình đổi mới cấp ngân sách theo năng lực
  - Mô hình tiếp tục mở rộng đấu thầu đào tạo, gồm đánh giá phân tích bài học từ thí điểm
  - Mô hình xây dựng các cơ chế hỗ trợ tài chính cho cơ sở Dạy nghề tư nhân dựa trên kết quả nghiên cứu
  - Nghiên cứu khả thi về một hệ thống quỹ thuế cho đào tạo ở Việt Nam
  - Tiếp tục nghiên cứu luận chứng tùy theo kết quả hội thảo và các nghiên cứu
- 4 Hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong quá trình **xây dựng chiến lược nâng cao năng lực và thực thi việc nâng cao năng lực cho các trường dự án**. Trên quan điểm tài chính, cần tập trung quan tâm các vấn đề sau:
  - Xây dựng và đưa vào áp dụng quản lý chất lượng
  - Thí điểm tại một trường dự án về nâng cao hiệu quả đầu tư của phương thức tổ chức đào tạo
  - Tiếp tục đào tạo và tư vấn hỗ trợ về quản lý tài chính, tính toán chi phí và marketing
  - Xây dựng các kế hoạch chiến lược về phát triển kinh doanh cho nhà trường
  - Hỗ trợ áp dụng thực hiện đào tạo hợp tác trong Dạy nghề
  - Hỗ trợ và cố vấn trong quá trình tiếp tục phát triển các hoạt động tăng thu nhập, bao gồm cả phân tích thị trường.

Ở cấp cơ sở, các hoạt động hỗ trợ của GTZ sẽ được thực hiện với sự hợp tác của các chuyên gia CIM nếu có.

Như đã đề cập ở trên, việc tiếp tục xây dựng hệ thống tài chính chỉ là một phần việc trong toàn bộ quá trình đổi mới Dạy nghề, và cơ chế tài chính mới sẽ chỉ mang lại tác động mong đợi khi nó được thực thi cùng với việc đổi mới các thành tố khác của hệ thống. Đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện nay là việc thiết lập hệ thống mới về quản lý chất lượng dựa trên chuẩn trên cơ sở các tiêu chuẩn nghề nghiệp, đánh giá và cấp chứng chỉ theo chuẩn, và việc xây dựng hệ thống Dạy nghề hợp tác. GTZ sẽ tiếp tục đóng góp vào quá trình đổi mới Dạy nghề của chính phủ Việt Nam thông qua các lĩnh vực chính sách này.

### 3.3 Bảng tóm tắt các khuyến nghị quan trọng

Lĩnh vực chiến lược	Đề xuất các hoạt động cho Chính phủ Việt Nam	Những đóng góp tiềm năng từ Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề (GTZ)
Lập kế hoạch lồng ghép về cấp kinh phí cho Dạy nghề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận với các chuyên gia và các bên có liên quan về định hướng chiến lược trong cấp kinh phí cho Dạy nghề</li> <li>- Tiến hành đánh giá chi phí</li> <li>- Cải thiện cơ chế báo cáo tài chính trong hệ thống Dạy nghề</li> <li>- Xây dựng/hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý</li> <li>- Tham vấn với các tiểu ngành có liên quan trong hệ thống giáo dục và đào tạo về các chiến lược cấp tài chính</li> <li>- Xây dựng cơ chế khung cấp tài chính cho Dạy nghề theo ưu tiên và dựa trên tính toán chi phí</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài trợ và hỗ trợ thực hiện hội thảo quốc gia về các nguyên tắc cấp kinh phí cho Dạy nghề; hỗ trợ chuyên gia</li> <li>- Tài trợ và hỗ trợ đánh giá chi phí</li> <li>- Hỗ trợ tư vấn trong quá trình xây dựng cơ chế tài chính lồng ghép</li> </ul>
Xây dựng hệ thống lập ngân sách theo năng lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng một đề án cấu trúc cấp kinh phí cho các cơ sở Dạy nghề công lập bao gồm các chỉ số dựa trên chất lượng và các chỉ số nhằm khuyến khích hoạt động tăng thu nhập</li> <li>- Thí điểm và triển khai cấp kinh phí theo cơ chế trên</li> <li>- Đánh giá chương trình <i>Tăng cường Năng lực Đào tạo nghề</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ việc đánh giá hợp phần "E" về <i>Tăng cường Năng lực Đào tạo nghề</i> thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia</li> <li>- Hỗ trợ tư vấn để xây dựng một đề án về lập ngân sách theo năng lực</li> </ul>
Phát triển thị trường đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá kinh nghiệm của chương trình thí điểm đấu thầu đào tạo</li> <li>- Mở rộng cơ chế đấu thầu đối với các lĩnh vực khác thuộc phân bổ ngân sách, bao gồm hỗ trợ đầu tư, nếu thấy phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ việc đánh giá và quá trình xây dựng đề án</li> </ul>

Lĩnh vực chiến lược	Đề xuất các hoạt động cho Chính phủ Việt Nam	Những đóng góp tiềm năng từ Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề (GTZ)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa các cơ sở tư thực vào các chương trình đấu thầu</li> </ul>	
Học phí đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng tính linh hoạt cho các cơ sở Dạy nghề công lập, về việc quyết định mức học phí</li> </ul>	
Tăng cường đầu tư tư nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu thực trạng, những hạn chế và tiềm năng của đầu tư tư nhân vào Dạy nghề</li> <li>- Xây dựng đề án lồng ghép nhằm tăng cường đầu tư tư nhân và của chủ sử dụng lao động vào Dạy nghề</li> <li>- Xem xét việc xây dựng và ban hành quỹ thuế đào tạo</li> <li>- Xây dựng hệ thống để áp dụng hợp tác trong đào tạo nghề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ việc phân tích (về các rào cản và những thay đổi khi thành phần tư nhân tham gia vào Dạy nghề)</li> <li>- Nghiên cứu tính khả thi của quỹ thuế đào tạo, gồm hỗ trợ xây dựng đề án, nếu phù hợp</li> <li>- Hỗ trợ phát triển hệ thống hợp tác trong Dạy nghề</li> </ul>
Thúc đẩy bình đẳng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích thực trạng về sự tham gia của các nhóm đối tượng thiệt thòi vào Dạy nghề</li> <li>- Đánh giá tính hiệu quả của các chương trình xã hội hiện hành</li> <li>- Thiết lập cơ chế giám sát thường xuyên tác động xã hội</li> <li>- Phân tích, và nếu phù hợp, xây dựng đề án ban hành chương trình tín dụng cho người học nghề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ công tác phân tích (phân tích thực trạng và đánh giá hiệu quả các chương trình chính sách xã hội hiện hành về Dạy nghề)</li> </ul>
Nâng cao năng lực cơ sở Dạy nghề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích nhu cầu phát triển tổ chức;</li> <li>- Xây dựng và triển khai đề án nâng cao năng lực tổng thể cho các cơ sở Dạy nghề</li> <li>- Xây dựng và triển khai chiến lược tăng cường các hoạt động tăng thu nhập và cung cấp các khóa đào tạo theo nhu cầu công nghiệp.</li> <li>- Có thể: Xây dựng đề án và triển khai mô hình trường đào tạo thông qua sản xuất (production schools)</li> <li>- Xây dựng và triển khai các chiến lược khuyến khích và hỗ trợ hợp tác giữa các cơ sở Dạy nghề và doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành phân tích nghiên cứu tại một số trường về vấn đề hiệu quả đầu tư, nhu cầu phát triển tổ chức và các vấn đề khác</li> <li>- Các hoạt động nâng cao năng lực tại các trường thí điểm</li> <li>- Xây dựng kế hoạch kinh doanh tại các trường đối tác và cố vấn về các hoạt động tăng thu nhập</li> <li>- Hỗ trợ việc triển khai các chương trình đào tạo nghề hợp tác tại các trường thí điểm</li> </ul>



**Phụ lục**

- A1 Tài liệu tham khảo**
- A2 Danh sách đối tượng phỏng vấn**
- A3 Chương trình làm việc**
- A4 Biểu đồ: Cơ chế cấp ngân sách nhà nước cho Dạy nghề (theo Bộ LĐ-TBXH)**

## A1 Tài liệu tham khảo

ADB 2004

Cải thiện Dạy nghề: Chiến lược cho Châu Á, Ngân hàng Phát triển Châu Á, 2004.

Báo cáo Đánh giá Trách nhiệm Tài chính Quốc gia 2006

Hệ thống Quản lý Tài chính Công từng ngành: Giáo dục. Cập nhật Báo cáo Quốc gia về Trách nhiệm Tài chính: Dự thảo 6/2006.

Clarke 2006

Grayson Clarke, Xây dựng hệ thống chi tiêu trung hạn trong lĩnh vực Giáo dục-Đào tạo: Kinh nghiệm Việt Nam, 2006 (?).

Luật Giáo dục 2005

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Giáo dục, Luật số 38/2005/QH11

Gasskov 2000

Gasskov, Vladimir, Quản lý các hệ thống dạy nghề: Cẩm nang dành cho các cán bộ cấp cao, Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế, Geneva 2000.

Đánh giá phân tích Giới 2006

Việt Nam, Đánh giá phân tích Giới quốc gia: Báo cáo của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Tổ chức Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh, Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada, 12.2006.

Báo cáo Chính phủ Việt Nam, 4.2006

Sozialistische Republik Vietnam. Verordnung über das Selbständigkeitsrecht und Selbstverantwortungsrecht bezüglich der Aufgaben, Organisationsstruktur und Finanfragen in den staatlichen Einrichtungen. Hanoi, den 25. April 2006. Nr. 43/2006/ND-CP. (Bản dịch của Công ty dịch thuật Tầm nhìn Việt cho Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề).

Báo cáo Chính phủ Việt Nam, 11.2006

Sozialistische Republik Vietnam. Verordnung über die detaillierte Durchführungsbestimmungen einiger Artikel des Bildungsgesetzes und des Berufsbildungsgesetzes. Hanoi, den 20. November 2006. Nr. 139/2006/ND-CP. (Bản dịch của Công ty dịch thuật Tầm nhìn Việt cho Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề)GTZ 2007

Sachstand Berufliche Bildung Vietnam. Hanoi, Promotion of Technical and Vocational Education and Training in Vietnam, Februar 2007.

GTZ/ecbp 2007

Kỷ yếu: Hội nghị chuyên đề về các vấn đề triển khai chiến lược cấp tài chính đa nguồn cho Dạy nghề. 20-21.11. 2006. Addis Ababa, Ethiopia. GTZ/ecbp, Eschborn 2007.

InWEnt 2005

InWEnt (Tổ chức Nâng cao Năng lực Quốc tế Đức), Cấp Tài chính cho Dạy nghề. Beitrage aus der Praxis der beruflichen Bildung, Nr. 16. Mannheim, 12. 2005.

Bộ LĐ-TBXH, 2006

Sozialistische Republik Vietnam, Ministerium für Arbeit, Invaliden und Soziales. Entscheidungsschreiben über Genehmigung der „Planung zur Entwicklung eines Netzes der Berufscollages, Berufsschulen der Mittelstufe und Training Centres bis zum Jahr 2010 und Orientierung bis zum Jahr 2020. Hanoi, den 2. Oktober 2006. Nr.: 07/2006/QH-BLDTBXH

Bộ LĐ-TBXH, 2007

Sozialistische Republik Vietnam, Ministerium für Arbeit, Invaliden und Soziales. Bericht über den Stand der Berufsbildung in der Phase 2001-2006, Ziele und Maßnahmen zur

Tài chính cho Dạy nghề Việt Nam - Báo cáo - 12/2007

Entwicklung der Berufsbildung bis 2010. Hanoi, den 10. Mai 2007. Translated by VietVision for TVET Project.

Nguyen 2002

Xu thế lĩnh vực Giáo dục giai đoạn 1993-98. Tham luận nghiên cứu số 2891, Ngân hàng Thế giới, 2002.

NORAD 2005

Norwegian Agency for Development Cooperation. Norwegian Support to the National Targeted Programme for Education in Vietnam. Feasibility Report, 07 July 2005.

Công ty tư vấn PLANCO, 2007

Báo cáo khảo sát đề xuất Chương trình mới: Hợp tác tài chính Việt Nam-CHLB Đức trong Hỗ trợ Dạy nghề Việt Nam (báo cáo dự thảo – 26.07.2007, thực hiện cho Ngân hàng Tái thiết Đức, KfW). Tác giả: Dr. Gunnar Specht và Dieter Moll.

Luật Dạy nghề 2006

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Dạy nghề, Luật số 76/2006/QH11.

Ngân hàng Thế giới, 2007a

Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam: Giáo dục Đại học và Kỹ năng cần cho Phát triển. Dự thảo 4.5.2007.

Ngân hàng Thế giới, 2007b

Báo cáo thẩm định dự án vốn vay 39 triệu SDR cho chính phủ Việt Nam cho Dự án thứ 2 về Giáo dục Đại học, 16.5.2007. Báo cáo số 38399–VN.

Ziderman 2003

Ziderman, Adrian, Cấp tài chính cho Dạy nghề ở khu vực Châu Phi cận Sahara. Ngân hàng Thế giới, Washington D.C 2003.

Ziderman 2004

Ziderman, Adrian: Các lựa chọn chính sách: Các chương trình tín dụng cho sinh viên: Kinh nghiệm 5 điển hình Châu Á. Nghiên cứu và đối thoại chính sách về Các chương trình tín dụng cho sinh viên ở Châu Á, Volume 1, Số 6. Bangkok, UNESCO/IIEP 2004.

**A2 Danh sách đối tượng phỏng vấn**

<b>Cơ quan</b>	<b>Tên</b>
<i>Các cơ quan Việt Nam</i>	
TCDN	TS. Nguyễn Tiến Dũng, Tổng cục trưởng
	PGS. TS. Mạc Văn Tiến, Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề
	Đào Văn Tiến, Chánh văn phòng
	PGS. TS. Dương Đức Lân, Phó Tổng cục trưởng
	Lê Thị Khánh, Giám đốc dự án Đào tạo nghề
	Tạ Hữu Chất, Trưởng ban Kế hoạch và Tài chính
Bộ GD-ĐT	TS. Hoàng Ngọc Vinh, Vụ trưởng, Vụ Giáo dục chuyên nghiệp
	Nguyễn Hoài Nam, Vụ Hợp tác quốc tế
Bộ LĐTBXH	TS. Nguyễn Quang Huệ, Trưởng phòng Năng suất lao động, Viện Khoa học, Lao động và Xã hội
Sở LĐTBXH tỉnh Vĩnh Phúc	Lê Xuân Đăng, Giám đốc
	Đỗ Khắc Phong, Trưởng phòng đào tạo
<i>Chương trình Hợp tác Kỹ thuật Đức</i>	
GTZ, Dự án TVET	TS. Horst Sommer, Cố vấn trưởng dự án
	Antje Schmidt, Cố vấn kỹ thuật
	Đình Việt Dũng, Cán bộ dự án
	Bạch Hưng Trường, Cán bộ dự án
Chuyên gia CIM tại trường CĐ Công nghiệp Việt-Đức	Oliver Haass, Cố vấn kỹ thuật
GfA/Ngân hàng tái thiết Đức KfW	Bernd Mayer
GTZ	TS. Horst Idler, Đại diện GTZ tại Malaixia
<i>Các cơ sở Dạy nghề</i>	
Trường CĐ Công nghiệp Việt-Đức, Thái Nguyên	Ô. Thắng, Phó hiệu trưởng
	Ô. Thiệp, Trưởng phòng Tài chính
	Bà Nguyễn Thị Xuân, Phó trưởng phòng Tài chính
Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên	Nguyễn Văn Thu, Giám đốc
Trường Trung cấp nghề Vật liệu xây dựng Viglacera	Nguyễn Ngọc Hiền, Phó hiệu trưởng
Die Rote Fahne (trường nghề tư thực)	Giám đốc
<i>Chủ lao động và các ngành công nghiệp</i>	
Hội Dệt may Việt Nam	Bà Lê Thị Bích Hạnh
Học viện Khoa học Kỹ thuật Việt	Dau Si Thai, Phó phòng Hợp tác quốc tế

Nam (Hiệp hội Cơ điện tử)	TS. Phạm Anh Tuấn, Phó Giám đốc
Tổng công ty gốm sứ và thủy tinh xây dựng (Viglacera)	Ô. Minh, Giám đốc phòng Nhân sự
	Trần Quốc Thái, Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa, Phó Tổng Giám đốc
<i>Các cơ quan tài trợ</i>	
SwissContact, Dự án STVT	Hoàng Bích Hà, Cán bộ dự án
	Manfred Egger, Giám đốc dự án
Hiệp hội các trường cao đẳng cộng đồng Canada (ACCC)	Dominique Van de Maele, Cán bộ nghiên cứu và đào tạo cấp cao
Hợp tác Kỹ thuật Vương quốc Bỉ	Carlton Aslett, Cố vấn Ngân sách Hỗ trợ
<i>Các chuyên gia khác</i>	
Tư vấn độc lập	PGS. TS. Bùi Thế Dũng, Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Công nghệ

## A3 Chương trình làm việc

Ngày/Giờ	Cơ quan gặp gỡ
Thứ 6, 13.7	
11.00	Tới Hà Nội
12.00	Làm việc với TS. Horst Sommer/Ante Schmith, Dự án TVET
14.30	Văn phòng dự án TVET
Thứ 7, 14.7	
16.00	Bernd Mayer, Dự án GFA/KfW
Chủ nhật, 15.7	
14.00	Làm việc với TS. Horst Sommer/Antje Schmidt, Dự án TVET
Thứ 2, 16.7.	
9.00	Chuẩn bị
12.00	Ăn trưa với cán bộ dự án TVET
15.00	TDCN, Tổng cục trưởng
18.00	Ô. Horst Idler, GTZ Malaixia
Thứ 3, 17.7.	
8.30	Chuẩn bị công cụ làm việc
12.00	Họp làm việc với phiên dịch và các cán bộ dự án
17.30	Mr. Oliver Haass, CIM
18.30	TS. Horst Sommer, Dự án TVET
20.00	Dominique Van de Maele, ACCC/CIDA
Thứ 4, 18.7.	
9.00	SwissContact
11.00	Chuẩn bị với phiên dịch
14.00	TCDN, Ban Kế hoạch-Tài chính
16.00	TCDN, Ban tiêu chuẩn
18.00	Họp sơ bộ với Ts. Sommer, Dự án TVET

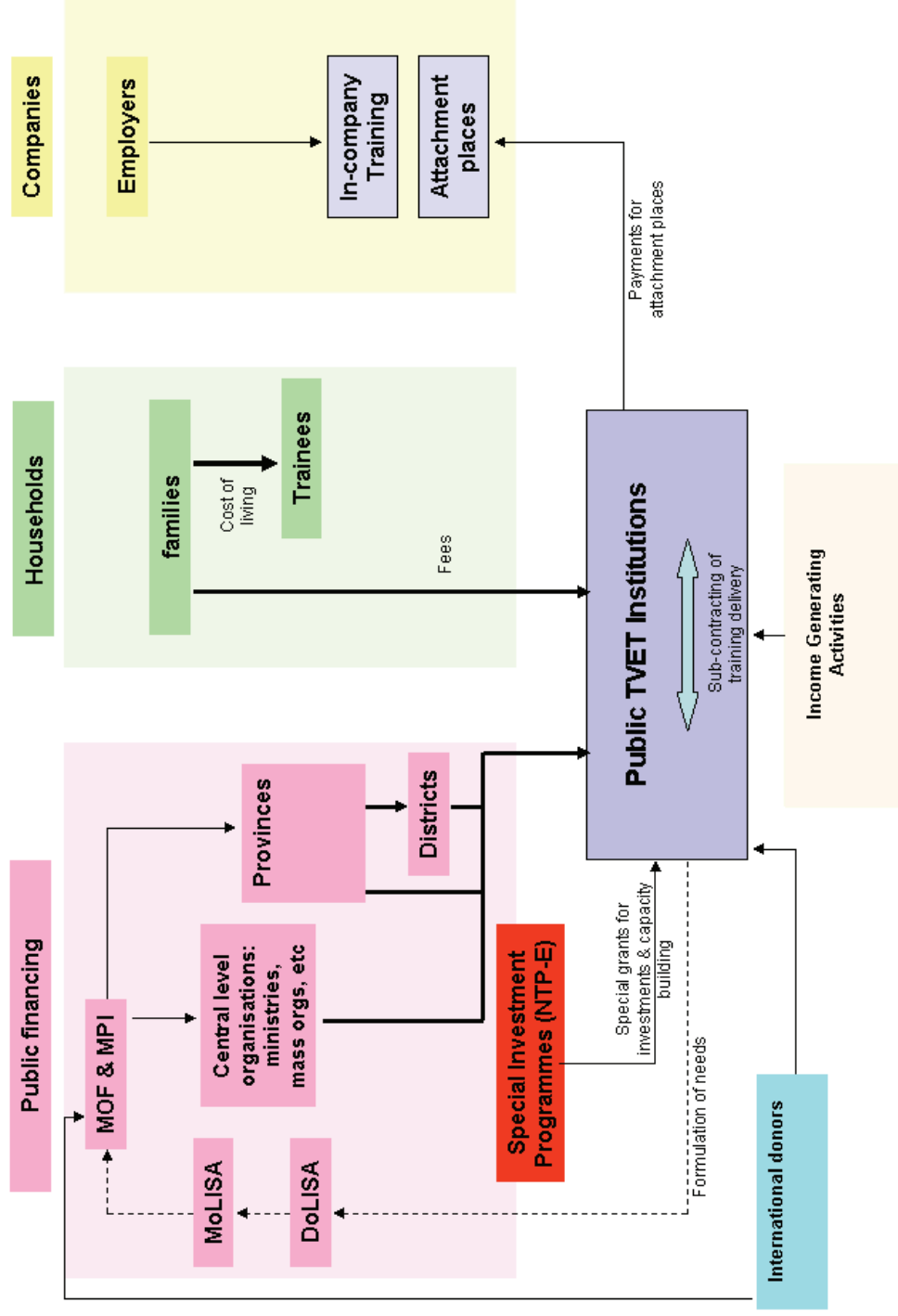
Thứ 5, 19.7.	
9.00 15.30	Thăm trường tư thục, <i>Die Rote Fahne</i> Dự án ADB, Cán bộ điều phối dự án
Thứ 6, 20.7.	
9.30 16.00	Trường CĐ Việt – Đức, Thái Nguyên Trung tâm Dạy nghề Công đoàn Thái Nguyên
Thứ 7, 21.7.	
	Xử lý tài liệu
Chủ nhật, 22.7.	
16.00 18.00	Xử lý tài liệu Làm việc với đoàn tư vấn GfA (Dự án KfW) Chuyên gia CIM, Thái Nguyên
Thứ 2, 23.7.	
8.30 14.00	Bộ LĐ-TBXH, Viện Khoa học, Lao động và Xã hội Sở LĐ-TBXH tỉnh Vĩnh Phúc
Thứ 3, 24.7.	
9.00 11.00 12.00 16.00	Hội Dệt May Việt Nam Nationaler Mechantronikverband Bộ GD-ĐT, Vụ Hợp tác quốc tế Bộ GD-ĐT, Vụ Giáo dục chuyên nghiệp
Thứ 4, 25.7.	
9.00 15.00	Công ty Viglacera và các cơ sở Dạy nghề Trao đổi chuẩn bị cho báo cáo nhanh Tổng cục trưởng, TCDN
Thứ 5, 26.7.	
10.00-12.30 12.00 16:00	Báo cáo sơ bộ với TCDN và cán bộ GTZ Ô. Carlton Aslett, Hợp tác Vương quốc Bỉ PGS. Ts. Dũng, Chuyên gia Dạy nghề

Thứ 6, 27.7.	
9.00	TCDN, Trung tâm nghiên cứu Khoa học Dạy nghề
13.00	Ăn trưa với cán bộ dự án TVET
17.00	Kết thúc về nước



**A4 Sơ đồ cấu trúc Hệ thống Dạy nghề Việt Nam và các kênh chính phân bổ ngân sách nhà nước (thuộc Bộ LĐ-TBXH)**

**Core Flow of Funds in Public TVET System (under MOLISA)**





Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Dây nghề

Việt Nam